ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN VĂN BỨA**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2022**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

**TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN VĂN BỨA**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, chức vụ** | **Nhiệm vụ** |
| 1 | Nguyễn Văn Rộn | Bí thư Chi bộ,  Hiệu Trưởng | Chủ tịch |
| 2 | Nguyễn Thị Thanh Phương | Phó Hiệu Trưởng | Phó Chủ tịch - Trưởng nhóm Thư ký |
| 3 | Huỳnh Thị Lệ Giang | Chủ tịch Công đoàn | Thành viên |
| 4 | Trần Khánh Tường Vy | Thư ký Hội đồng trường | Thành viên |
| 5 | Nguyễn Thị Tố Quyên | Tổ trưởng tổ Toán | Thành viên |
| 6 | Trần Thi Thảo Hương | Tổ trưởng tổ Ngữ Văn | Thành viên |
| 7 | Lê Thị Ngoc Dung | Tổ trưởng tổ Anh | Thành viên |
| 8 | Huỳnh Mai Chương | Tổ Trưởng KHTN | Thành viên |
| 9 | Nguyễn Ngọc Thu | Tổ Trưởng Sử-Địa-GDCD | Thành viên |
| 10 | Lê Văn Long | Tổ Trưởng Tin-TD-CN | Thành viên |
| 11 | Trần Quốc Phong | Tổ Trưởng Văn Phòng | Thành viên |
| 12 | Trần Quốc Dũng | Giáo viên- PT.CNTT | Thành viên |
| 13 | Hồ Thị Thuý Kiều | Học vụ | Thành viên |
| 14 | Phạm Thị Dung Nghị | Văn Thư | Thành viên |

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2021

# **MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **Trang** |
| Mục lục | 1 |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá | 3 |
| **Phần I.** **CƠ SỞ DỮ LIỆU** | 5 |
| **Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ** | 11 |
| **A. ĐẶT VẤN ĐỀ** | 11 |
| **B. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2, 3** | 13 |
| **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường** | 13 |
| **Mở đầu** | 13 |
| Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường | 13 |
| Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác | 16 |
| Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường | 17 |
| Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng | 19 |
| Tiêu chí 1.5: Lớp học | 21 |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản | 23 |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên | 25 |
| Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục | 27 |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở | 29 |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học | 30 |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 1*** | 33 |
| **Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh** | 34 |
| **Mở đầu** | 34 |
| Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | 34 |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên | 36 |
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên | 38 |
| Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh | 40 |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 2*** | 42 |
| **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học** | 43 |
| **Mở đầu** | 43 |
| Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập | 43 |
| Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập | 45 |
| Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị | 46 |
| Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước | 48 |
| Tiêu chí 3.5: Thiết bị | 49 |
| Tiêu chí 3.6: Thư viện | 51 |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 3*** | 53 |
| **Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội** | 54 |
| **Mở đầu** | 54 |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh | 54 |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường | 56 |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 4*** | 58 |
| **Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục** | 59 |
| **Mở đầu** | 59 |
| Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông | 59 |
| Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện | 63 |
| Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định | 65 |
| Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp | 67 |
| Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh | 69 |
| Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục | 70 |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 5*** | 74 |
| **Phần III. KẾT LUẬN CHUNG** | 75 |
| **Phần IV. PHỤ LỤC** | 77 |

### 

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**1. Kết quả đánh giá**

**Đánh giá theo từng tiêu chí từ Mức 1 đến Mức 3**

| **Tiêu chuẩn/tiêu chí** | **Mức 1** | | | **Mức 2** | | | **Mức 3** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chỉ báo a | Chỉ báo b | Chỉ báo c | Chỉ báo a | Chỉ báo b | Chỉ báo c | Chỉ báo a | Chỉ báo b | Chỉ báo c |
| **Tiêu chuẩn 1** |  | | |  | | |  | | |
| Tiêu chí 1.1 | x | x | x | x | x | x |  |  |  |
| Tiêu chí 1.2 | x | x | x | x | x | x |  |  |  |
| Tiêu chí 1.3 | x | x | x |  |  |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.4 |  | x | x |  |  |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.5 |  | x | x |  |  |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.6 | x | x | x |  |  |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.7 | x | x | x |  |  |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.8 | x | x | x |  |  |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.9 | x | x | x |  |  |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.10 | x | x | x |  |  |  |  |  |  |
| **Tiêu chuẩn 2** |  | | |  | | |  | | |
| Tiêu chí 2.1 | x | x | x | x | x | x |  |  |  |
| Tiêu chí 2.2 |  | x | x |  |  |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.3 |  | x | x |  |  |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.4 | x | x | x |  |  |  |  |  |  |
| Tiêu chuẩn 3 |  | | |  | | |  | | |
| Tiêu chí 3.1 | x | x | x | x | x | x |  |  |  |
| Tiêu chí 3.2 | x | x | x |  |  |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.3 | x | x | x |  |  |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.4 | x | x | x |  |  |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.5 | x | x | x |  |  |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.6 | x | x | x |  |  |  |  |  |  |
| **Tiêu chuẩn 4** |  | | |  | | |  | | |
| Tiêu chí 4.1 | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| Tiêu chí 4.2 | x | x | x |  |  |  |  |  |  |
| **Tiêu chuẩn 5** |  | | |  | | |  | | |
| Tiêu chí 5.1 | x | x | x |  |  |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.2 | x | x | x |  |  |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.3 | x | x | x |  |  |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.4 | x | x | x |  |  |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.5 | x | x | x |  |  |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.6 | x | x | x |  |  |  |  |  |  |

**Kết quả:** Chưa đánh giá

**2. Kết luận: Chưa đánh giá**

# **Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường: TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN VĂN BỨA

Tên trước đây: TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ XUÂN THỚI THƯỢNG

Cơ quan chủ quản: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | Thành phố Hồ Chí Minh |  | Họ và tên  hiệu trưởng | Nguyễn Văn Rộn |
| Huyện/ quận/ thị xã/ thành phố | Hóc Môn |  | Điện thoại | 028.22508171 |
| Xã / phường/thị trấn | Xuân Thới Thượng |  | Fax | Không |
| Đạt CQG | Không |  | Website | [thcsnguyenvanbua.hcm.edu.vn](https://thcsnguyenvanbua.hcm.edu.vn/) |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 2019 |  | Số điểm trường | 1 |
| Công lập | x |  | Loại hình khác | Không |
| Tư thục | Không |  | Thuộc vùng khó khăn | Không |
| Trường chuyên biệt | Không |  | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | Không |
| Trường liên kết với nước ngoài | Không |  |  |  |

**1. Số lớp học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lớp học** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** | **Năm học 2023-2024** |
| Khối lớp 6 | 13 | 17 | 14 | 0 | 0 |
| Khối lớp 7 | 0 | 11 | 15 | 0 | 0 |
| Khối lớp 8 | 0 | 0 | 11 | 0 | 0 |
| Khối lớp 9 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Cộng** | **13** | **28** | **40** | **0** | **0** |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** | **Năm học 2023-2024** | **Ghi chú** |
| **I** | Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập | 55 | 55 | 55 | 0 | 0 |  |
| 1 | Phòng học | 45 | 45 | 45 | 0 | 0 |  |
| a | Phòng kiên cố | 45 | 45 | 45 | 0 | 0 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 2 | Phòng học bộ môn | 10 | 10 | 10 | 0 | 0 |  |
| a | Phòng kiên cố | 10 | 10 | 10 | 0 | 0 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Khối phục vụ học tập | 3 | 3 | 3 | 0 | 0 |  |
| a | Phòng kiên cố | 3 | 3 | 3 | 0 | 0 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **II** | Khối phòng hành chính - quản trị | 10 | 10 | 10 | 0 | 0 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 10 | 10 | 10 | 0 | 0 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 10 | 10 | 10 | 0 | 0 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **III** | Thư viện | 1 | 1 | 1 | 0 | 0 |  |
| **IV** | Các công trình, khối phòng chức năng khác | 6 | 6 | 6 | 0 | 0 |  |
|  | **Cộng** | **81** | **81** | **81** | **0** | **0** |  |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | | | **Ghi chú** |
| Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |
| Hiệu trưởng | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 |  |
| Phó hiệu trưởng | 2 | 2 | 0 | 0 | 1 | 1 |  |
| Giáo viên | 56 | 44 | 2 | 0 | 2 | 52 |  |
| Nhân viên | 17 | 10 | 0 | 2 | 12 | 3 |  |
| **Cộng** | **76** | **56** | **2** | **2** | **15** | **57** |  |

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** | **Năm học 2023-2024** |
| 1 | Tổng số giáo viên | 11 | 32 | 35 | 0 | 0 |
| 2 | Tỷ lệ giáo viên/ lớp | 1 | 1 | 1 | 0 | 0 |
| 3 | Tỷ lệ giáo viên/ học sinh | 0.02 | 0.02 | 0.02 | 0 | 0 |
| 4 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có) | 0 | 03 | 04 | 0 | 0 |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

**4. Học sinh**

a) Số liệu chung

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** | **Năm học 2023-2024** | **Ghi chú** |
| 1 | Tổng số học sinh | 465 | 1139 | 1759 | 0 | 0 |  |
| *-Nữ* | 194 | 507 | 806 | 0 | 0 |  |
| *-Dân tộc thiểu số* | 10 | 30 | 50 | 0 | 0 |  |
| *Khối lớp 6* | 465 | 21 | 632 | 0 | 0 |  |
| *Khối lớp 7* | 0 | 9 | 673 | 0 | 0 |  |
| *Khối lớp 8* | 0 | 0 | 454 | 0 | 0 |  |
| *Khối lớp 9* | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 2 | Tổng số tuyển mới | 465 | 688 | 632 | 0 | 0 |  |
| 3 | Học 2 buổi/ ngày | 465 | 1139 | 1759 | 0 | 0 |  |
| 4 | Bán trú | 344 | 658 | 1298 | 0 | 0 |  |
| 5 | Nội trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 6 | Bình quân số học sinh/ lớp | 42 | 42 | 42 | 0 | 0 |  |
| 7 | Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi | 465  100% | 1139  100% | 1759  100% | 0  0% | 0  0% |  |
| *-Nữ* | 194 | 507 | 806 | 0 | 0 |  |
| *-Dân tộc thiểu số* | 6 | 30 | 50 | 0 | 0 |  |
| 8 | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/ tỉnh(nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 9 | Tổng số học sinh giỏi quốc gia(nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 10 | Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách | 0 | 0 | 7 | 0 | 0 |  |
| *-Nữ* | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 |  |
| *-Dân tộc thiểu số* | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 11 | Tổng số học sinh(trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt | 0 | 0 | 40 | 0 | 0 |  |
| 12 | Các số liệu khác (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |

b) Kết quả giáo dục (đối với trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** | **Năm học 2023-2024** | **Ghi chú** |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi | 30,5 | 49,4 | 41,2 | 0 | 0 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại khá | 35,5 | 34,8 | 33,9 | 0 | 0 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại trung bình | 27,2 | 14,9 | 19 | 0 | 0 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu kém | 7,0 | 0,9 | 5,9 | 0 | 0 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt | 80,2 | 91,2 | 91,8 | 0 | 0 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá | 18,1 | 7,4 | 8,1 | 0 | 0 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình | 0,7 | 1,4 | 0,1 | 0 | 0 |  |

# **Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ**

## **A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

**1. Tình hình chung của nhà trường**

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Bứa là đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập theo Quyết định số 2577/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn, trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn và Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn. Đơn vị có chức năng, nhiệm vụ quy định trong Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (Ban hành kèm theo Thông tư số:12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Bứa đóng trên địa bàn vùng ven thuộc xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ số 1139 đường Nguyễn Văn Bứa, ấp 6, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, có nhiệm vụ tiếp nhận giảng dạy và giáo dục học sinh từ lớp 6 đến lớp 9. Trường có tổng diện tích 14 090,7 m2: Bao gồm khu vực phòng học, các phòng chức năng, diện tích sân chơi. Trường được xây dựng theo mô hình 1 trệt 3 lầu, các lớp học đều thoáng mát tạo điều kiện thuận lợi cho việc giảng dạy và học tập.

Trong năm 2019, trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Bứa vừa mới đưa vào hoạt động đã từng bước khẳng định được uy tín, chất lượng giáo dục của nhà trường so với các trường trong huyện. Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ giáo viên tương đối đồng đều về chuyên môn, nghiệp vụ. Trường tham gia các Hội thi cấp huyện và có một số thành tích.

Nhà trường luôn được sự quan tâm của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn, Đảng ủy, chính quyền và nhân dân xã Xuân Thới Thượng. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đoàn kết, phấn đấu vì nhiệm vụ chung. Chi bộ Đảng nhà trường mới thành lập luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, có năng lực tập hợp quần chúng. Các đoàn thể hoạt động tốt, hỗ trợ đắc lực cho mọi hoạt động của nhà trường. Nhà trường luôn nâng cao ý thức, phát huy vai trò tham mưu với cấp ủy chính quyền địa phương đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, các ban ngành đoàn thể địa phương luôn quan tâm hỗ trợ về mọi mặt, Ban đại diện Cha mẹ học sinh nhiệt tình trong việc phối hợp với nhà trường giáo dục học sinh.

Năm học này trường đăng ký công nhận tập thể lao động xuất sắc.

**2. Mục đích tự đánh giá**

Việc tiến hành tự đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục nhằm mục đích giúp tập thể sư phạm của nhà trường có cái nhìn tổng quan về những mặt mạnh, mặt yếu của nhà trường so với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, từ đó nhà trường tự xem xét, đánh giá thực trạng chất lượng các hoạt động giáo dục, cơ sở vật chất, các vấn đề liên quan khác của nhà trường để điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

Về phạm vi tự đánh giá: Toàn bộ các hoạt động của nhà trường theo 28 tiêu chí được quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Về phương pháp và công cụ đánh giá: Để tiến hành tự đánh giá, nhà trường đã căn cứ vào Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các tài liệu hướng dẫn, đối chiếu với tình hình thực tế của nhà trường và hồ sơ minh chứng để tiến hành tự đánh giá chất lượng giáo dục.

**3. Tóm tắt quá trình hoạt động tự đánh giá**

Hội đồng Tự đánh giá trường Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Bứa được thành lập theo Quyết định số 68 /QĐ-NVB ngày 28 tháng 09 năm 2021 của Hiệu trưởng nhà trường gồm có 14 thành viên.

Hội đồng Tự đánh giá trường Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Bứa được thành lập theo Quyết định số 68 /QĐ-NVB ngày 28 tháng 09 năm 2021 của Hiệu trưởng nhà trường gồm có 14 thành viên.

- Từ ngày 28/02/2022 đến ngày 05/03/2022: Họp Hội đồng trường để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng TĐG.Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG.Họp Hội đồng TĐG để:

- Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG;

- Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm công tác và cá nhân;

- Dự thảo và ban hành kế hoạch TĐG.

Phổ biến kế hoạch TĐG đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường và các bên liên quan.

- Từ ngày 07/03/2022 đến ngày 12/03/2022: Tổ chức tập huấn về nghiệp vụ TĐG toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường. Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện phân tích tiêu chí, tìm minh chứng cho từng tiêu chí.

- Từ ngày 14/03/2022 đến ngày 19/03/2022: Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện: Xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí (tiếp theo việc tuần 2); Phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng. Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các Phiếu đánh giá tiêu chí.

- Từ ngày 21/03/2022 đến ngày 26/03/2022: Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các Phiếu đánh giá tiêu chí.

- Từ ngày 28/03/2022 đến ngày 2/04/2022: Họp hội đồng TĐG để: Thảo luận về những vấn đề phát sinh từ các minh chứng thu được, những minh chứng cần thu thập bổ sung và các vấn đè liên quan đến hoạt động TĐG; Các nhóm chuyên trách, cá nhân báo cáo nội dung của từng Phiếu đánh giá tiêu chí và Phiếu đánh giá tiêu chí; - Chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của Phiếu đánh giá tiêu chí (trong đó đặc biệt chú ý đến kế hoạch cải tiến chất lượng); Thu thập, xử lý minh chứng bổ sung (nếu có). Dự thảo báo cáo TĐG.

- Từ ngày 4/4/2022 đến ngày 9/4/2022: Họp Hội đồng TĐG để: Kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG và các nội dung liên quan; Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung dự thảo báo cáo TĐG

- Từ ngày 11/4/2022 đến ngày 16/4/2022: Thông qua báo cáo TĐG đã chỉnh sửa, bổ sung. Công bố dự thảo báo cáo TĐG trong nội bộ trường; Thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo TĐG; Bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến góp; Đề xuất những kế hoạch cải tiến chất lượng

- Từ ngày 18/4/2022 đến ngày 23/4/2022: Các thành viên của Hội đồng TĐG ký tên vào danh sách trong báo cáo TĐG; Hiệu trưởng ký tên, đóng dấu và ban hành; Gửi báo cáo TĐG và công văn cho cơ quan quản lý trực tiếp; Công bố bản báo cáo TĐG đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường). Tổ chức bảo quản báo cáo TĐG, các minh chứng theo quy định.

- Từ ngày 25/4/2022 đến ngày 28/5/2022: Tổ chức thực hiện các kế hoạch cải tiến chất lượng theo từng giai đoạn. Cập nhật lại báo cáo TĐG (nếu cần) trước khi thực hiện việc

Báo cáo với cơ quan có thẩm quyền.

Thực hiện quy định về “Kiểm định chất lượng giáo dục” của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhà trường tiếp tục tiến hành “Tự đánh giá” giữ vững và phát huy điểm mạnh, khắc phục, hạn chế điểm yếu, đề ra kế hoạch cải tiến chất lượng để từng bước xây dựng nhà trường theo chuẩn mực đáp ứng mục tiêu của trường trung học, đảm bảo các yêu cầu về mục tiêu giáo dục của Luật giáo dục, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước cho thời gian tới. Trường đã áp dụng các quy định về chuẩn mực, qui trình, phương pháp theo hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông để “Tự đánh giá” và đạt được kết quả khả quan.

## **B. TỰ ĐÁNH GIÁ** **TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3**

**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầu**:

Trường trung học cơ sở Nguyễn Văn Bứa có cơ cấu tổ chức đầy đủ và hoạt động theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ Giáo Dục và Đào tạo theo đúng chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước.

Chiến lược xây dựng phát triển của nhà trường là tăng cường củng cố tổ chức Đảng trong nhà trường, nhằm phát huy vai trò hạt nhân, lãnh đạo các hoạt động của nhà trường; tiếp tục giữ vững các danh hiệu và kết quả đánh giá đã đạt được trong những năm qua; xây dựng được kế hoạch để tạo các nguồn kinh phí hợp pháp phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường; xây dựng các kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; phát huy vai trò chủ động và linh hoạt của tổ trưởng, nhóm trưởng trong tổ chức và thực hiện hoạt động; phát huy quyền và trách nhiệm thực hiện dân chủ của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng và phát triển nhà trường.

**Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường**

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Bứa đã xây dựng “Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020 - 2025” phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Khoản 3, Điều 27, Luật Giáo dục số 38/2005/QH11, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện Hóc Môn theo Nghị quyết đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII nhiệm kỳ 2020-2025 và các nguồn lực nhà trường [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

Kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục nhà trường nêu được tình hình đơn vị, nhiệm vụ, giải pháp, cách thức tổ chức thức hiện và được Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện phê duyệt [H1-1.1-02].

Chiến lược phát triển của nhà trường được thông báo công khai tới toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và học sinh bằng hình thức niêm yết tại bảng thông báo, công khai trên website của trường [H1-1.1-03].

Mức 2:

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường trong từng giai đoạn được tổ chức thực hiện thông qua kế hoạch từng năm học. Qua đó, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường có thể theo dõi, phối hợp thực hiện và giám sát quá trình thực hiện; có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05].

Mức 3:

Hằng năm, trên cơ sở đánh giá kết quả mọi hoạt động trong năm học nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá các nội dung đã thực hiện được và chưa thực hiện được; từ đó định hướng, bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược thực hiện trong năm học tiếp theo [H1-1.1-06].

**2. Điểm mạnh**

Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục, định hướng phát triển của nhà trường và của địa phương, được tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường đồng tình và thống nhất quyết tâm thực hiện.

**3. Điểm yếu**

Các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển còn chung chung, chưa cụ thể. Do trường đang đồng bộ hoàn thiện cơ cấu và cơ sở vật chất.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm 2021-2022 hiệu trưởng xây dựng các giải pháp giám sát cụ thể, xác định trách nhiệm, phân công nhân sự giám sát thường xuyên tiến độ thực hiện, kết quả thực hiện để làm cơ sở xây dựng phương hướng bổ sung cho chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường..

**5. Tự đánh giá:**Đạt mức 2.

**Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác**

Mức 1:

a) Được thành lập theo quy định;

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hội đồng trường nhiệm kỳ 2019-2020 được thành lập theo quyết định số /QĐ-GDĐT ngày tháng năm do Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn ký [H1-1.2-01]. Năm học này nhà trường đều ra quyết định thành lập Hội đồng thi đua và khen thưởng [H1-1.2-02], Hội đồng kỷ luật (chỉ thành lập khi có học sinh hoặc nhân viên, giáo viên vi phạm kỷ luật) [H1-1.2-03] và các hội đồng khác như: Hội đồng tuyển sinh [H1-1.2-04], Hội đồng xét duyệt kết quả học tập và rèn luyện của học sinh [H1-1.2-05], Hội đồng xét tốt nghiệp trung học cơ sở [H1-1.2-06], Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm [H1-1.2-07], Hội đồng tự đánh giá [H1-1.2-08].

Hội đồng trường, các hội đồng kể trên được thành lập và thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 20, 21 của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành theo Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 28 tháng 3 năm 2011 [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05]; [H1-1.2-06]; [H1-1.2-07]; [H1-1.2-08].

Hoạt động của các Hội đồng được nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá thông qua các buổi họp để từ đó rút kinh nghiệm, điều chỉnh nội dung, phương pháp để hoạt động các hội đồng ngày càng chất lượng, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05]; [H1-1.2-06]; [H1-1.2-07]; [H1-1.2-08].

Mức 2:

Các hội đồng giúp hiệu trưởng định hướng mục tiêu, kế hoạch phát triển nhà trường; cùng tham gia giám sát, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ; góp phần từng bước nâng cao chất lượng giáo dục; tạo dựng được niềm tin trong cha mẹ học sinh và địa phương về sự phát triển của nhà trường [H1-1.2-08].

**2. Điểm mạnh**

Các hội đồng đã phát huy tốt vai trò và nhiệm vụ, góp phần vào sự thành công chung của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ.

**3. Điểm yếu**

Một số thành viên trong hội đồng chưa nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của mình để mạnh dạn tham mưu cho Ban lãnh đạo trong việc thực hiện nhiệm vụ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2021-2022, nhà trường tiếp tục phát huy điểm mạnh trong việc xây dựng cơ cấu tổ chức hội đồng trường và các hội đồng khác theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; phân công rõ trách nhiệm của từng thành viên trong hội đồng, tăng cường hoạt động kiểm tra giám sát, động viên khuyến khích kịp thời các thành viên trong các hội đồng để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đầu năm học 2021-2022 Hiệu trưởng thực hiện xây dựng chế độ, chính sách cho các thành viên trong hội đồng để động viên, khuyến khích tinh thần làm việc.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường**

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Chi bộ trường trung học cơ sở Nguyễn Văn Bứa là chi bộ độc lâp có 17 đảng viên trực thuộc Đảng bộ xã Xuân Thới Thượng, có các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh được quy định tại Điều 22 của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Mức 2:

Chi bộ Đảng lãnh đạo nhà trường và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh hoạt động theo điều lệ và quy định của pháp luật nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Định kỳ hằng tháng, học kỳ và cuối năm học, các đoàn thể trong nhà trường thực hiện đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm để định hướng và tổ chức hoạt động tốt hơn trong các năm học tới.

Mức 3:

Năm học 2019-2020 mới thành lập Chi bộ Đảng đăng ký hoàn thành tốt nhiệm vụ. Các hoạt động của Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội có đóng góp tích cực trong các hoạt động chính trị, chuyên môn của nhà trường. Từ năm học 2019-2020 Công đoàn nhà trường đăng ký được công nhận là Công đoàn cơ sở vững mạnh, Chi đoàn được công nhận là vững mạnh, Liên đội được công nhận là vững mạnh [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

**2. Điểm mạnh**

Chi bộ nhà trường cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ trong, Công đoàn vững mạnh, Chi đoàn vững mạnh, Liên đội vững mạnh. Các tổ chức đoàn thể, xã hội đều hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ, quy định của pháp luật và đã đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

TPT mới nên 1 số phong trào tổ chức chưa lôi cuốn được nhiều học sinh.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2021-2022, nhà trường tiếp tục phát huy điểm mạnh trong việc xây dựng cơ cấu tổ chức các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường theo đúng quy định của Điều lệ, đóng góp tích cực hơn nữa trong các hoạt động của địa phương. Thực hiện nghiêm túc công tác tổ chức rà soát, đánh giá để cải tiến các hoạt động theo học kỳ và theo năm học. Hiệu trưởng phân công và tạo điều kiện cho Tổng phụ trách tham dự lớp nghiệp vụ Tổng phụ trách Đội**.**

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 1.

**Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng**

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Bứa có 01 hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn ra quyết định bổ nhiệm [H1-1.4-01]; H1-1.4-02]; [H1-1.4-03].

Nhà trường có 02 tổ chuyên môn gồm: tổ Tự nhiên, tổ Xã hội và 01 tổ Văn phòng. Mỗi tổ đều có 01 Tổ trưởng do Hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm [H1-1.4-04].

Đầu năm học, các tổ chuyên môn dựa trên kế hoạch chung của nhà trường về nhiệm vụ năm học và đặc điểm của từng tổ để thực hiện chương trình, kế hoạch giảng dạy và các hoạt động khác. Các tổ thực hiện đúng nhiệm vụ theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Mức 2:

Năm học 2019-2020, mỗi tổ chuyên môn xây dựng và thực hiện 02 chuyên đề trong năm học, các chuyên đề tập trung vào nội dung đổi mới phương pháp, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, đổi mới sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, ... Các chuyên đề đã góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy nhà trường [H1-1.4-05].

Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ Văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh qua các buổi họp họp triển khai công tác tháng, họp tổ, nhóm chuyên môn, nhằm rà soát, đánh giá tình hình thực hiện hoạt động chuyên môn và các hoạt động khác. Trên cơ sở đó định hướng và thống nhất các nội dung hoạt động trong thời gian tới [H1-1.4-05].

Mức 3:

Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ Văn phòng căn cứ vào kế hoạch từng năm học, tình hình thực tế của tổ bộ môn, nhà trường đã đem lại hiệu quả thiết thực qua đó giúp giáo viên trau dồi, học tập kinh nghiệm lẫn nhau góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường [H1-1.4-06].

Các chuyên đề triển khai thực hiện trong từng năm học được xây dựng trên tình hình thực tế của từng bộ môn, nhà trường nên đem lại những hiệu quả thiết thực, giúp giáo viên học hỏi và trao đổi kinh nghiệm, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.4-05].

**2. Điểm mạnh**

Chuyên đề do các tổ, nhóm bộ môn mang tính thiết thực, phù hợp với điều kiện của nhà trường đã góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa thành lập đủ các tổ chuyên môn theo quy định.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2021-2022 căn cứ vào nhiệm vụ năm học, kế hoạch năm học nhà trường hiệu trưởng quán triệt đến tổ trưởng, nhóm trưởng, giáo viên, nhân viên chủ động tích cực hơn nữa trong việc xây dựng các chuyên đề chuyên môn mang tính thiết thực, phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục nhà trường.

Tham mưu lãnh đạo tạo điều kiện tuyến dụng đủ nhân sự giáo viên các môn. Lãnh đạo nhà trường chú ý sắp xếp thời gian hợp lý hơn để tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên các tổ ghép sinh hoạt chuyên môn

Hiệu trưởng nhà trường ra quyết đinh thành lập thêm các tổ chuyên môn phù hơp với điều kiện thực tế nhà trường

**5. Tự đánh giá:**đạt mức 1.

**Tiêu chí 1.5: Lớp học**

Mức 1:

a) Có đủ các lớp của cấp học;

b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sỹ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Bứa chưa đủ 04 khối lớp 6, 7, 8, 9 của cấp học trung học cơ sở hiện tại chỉ có khối 6,7,8. Học sinh được tổ chức theo đơn vị lớp, mỗi lớp có một giáo viên chủ nhiệm do hiệu trưởng phân công vào đầu năm học. Mỗi lớp có ban cán sự gồm lớp trưởng, lớp phó. Trong từng lớp được chia thành các tổ; mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

Ban cán sự mỗi lớp như lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng do tập thể học sinh trong lớp bầu ra. Ban cán sự lớp có nhiệm vụ nhắc nhở, quản lý các hoạt động chung của lớp như: tình hình học tập bộ môn, việc thực hiện nội quy trường lớp, tham gia các phong trào, thực hiện báo cáo với giáo viên chủ nhiệm [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện việc biên chế học sinh trong từng lớp, cơ cấu tổ chức lớp học phù hợp với quy định tại Điều lệ trường trung học, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

**3. Điểm yếu**

Hiện nay, nhà trường hiện có 40 lớp, chưa đủ các khối lớp theo quy định.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021-2022, nhà trường tiếp tục tham mưu với Hội đồng tuyển sinh huyện Hóc Môn nhận thêm học sinh nhằm thực hiện quy mô khối lớp học theo đúng quy định, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

**5. Tự đánh giá:**Đạt mức 1.

**Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản**

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hệ thống hồ sơ, sổ sách theo dõi hoạt động giáo dục trong trường theo Điều 27 Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ban hành ngày 28 tháng 3 năm 2011 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học gồm có:

+ Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục; Sổ quản lý tài chính được lưu trữ tại phòng Kế toán [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02].

+ Sổ đăng bộ; Sổ theo dõi học sinh chuyển đi, chuyển đến; Sổ gọi tên và ghi điểm; Học bạ học sinh; Sổ ghi đầu bài; Sổ quản lý cấp phát văn bằng chứng chỉ; Sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến; được lưu trữ tại phòng văn thư, học vụ [H1-1.6-03]; [H1-1.5-02]; [H1-1.6-04]; [H1-1.6-05]; [H1-1.6-06]; [H1-1.6-07].

+ Biên bản họp của Hội đồng trường; hồ sơ thi đua; hồ sơ kỷ luật được; hồ sơ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên lưu trữ tại phòng Hiệu trưởng [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.6-08].

+ Hồ sơ thư viện được lưu trữ tại phòng Thư viện [H1-1.6-09].

+ Hồ sơ theo dõi sức khoẻ học sinh được lưu trữ tại phòng Y tế [H1-1.6-10].

+ Sổ điểm cá nhân; sổ chủ nhiệm; hồ sơ tổ nhóm chuyên môn được lưu trữ tại phòng văn thư, học vụ [H1-1.4-05]; [H1-1.5-01]; [H1-1.6-11].

Nhà trường thực hiện đầy đủ các báo cáo về tài chính, tài sản theo đúng quy định. Nhà trường đã lập dự toán nguồn thu, chi, phù hợp với hoạt động của đơn vị mình, thực hiện thu, chi, quyết toán thống kê, báo cáo, quyết toán tài chính, tài sản theo chế độ kế toán, tài chính của nhà nước. Nhà trường có Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng một cách dân chủ, công khai lấy ý kiến của tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Hằng năm nhà trường thực hiện công khai các nguồn thu, mục đích sử dụng trước tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo theo đúng Quy chế công khai thông qua hội nghị công chức-viên chức-người lao động và thông báo trên bảng tin của trường [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02].

Nhà trường thực hiện quản lý và sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích, phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường, chăm lo điều kiện vật chất và tinh thần cho hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh; không để xảy ra thất thoát, sai phạm [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02].

Mức 2:

Nhà trường đã thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính như phần mềm quản lý sổ điểm điện tử của công ty Quảng Ích, phần mềm bảo hiểm xã hội, các cổng thông tin điện tử để theo dõi quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của cán bộ, giáo viên, nhân viên và người lao động của trường; phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức để theo dõi tình hình nâng lương, khen thưởng, quá trình công tác, lý lịch của Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (www.cbcc.hochiminhcity.gov.vn); phần mềm quản lý tài sản (www.qltsnn.mof.gov.vn) để theo dõi việc tăng, giảm, khấu hao tài sản cố định; phần mềm kế toán IMAS để theo dõi cập nhật thu chi hàng ngày, báo cáo tồn các quỹ, báo cáo tài chính hoạt động hằng năm [H1-1.5-03]; [H1-1.6-01]; [H1-1.6-12].

Năm học 2021 -2022 đến nay, theo các biên bản kiểm tra, đánh giá của cấp trên về công tác tài chính, kế toán, … trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02].

Mức 3:

Nhà trường hiện chưa có kế hoạch để tạo các nguồn tài chính hợp pháp mà chủ yếu sử dụng nguồn thu học phí và các nguồn phải thu theo thoả thuận với cha mẹ học sinh theo các văn bản hướng dẫn của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn và Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác trong năm học của các cơ sở giáo dục [H1-1.6-013].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường luôn đảm bảo thu chi tài chính theo đúng quy định của Nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường. Thực hiện báo cáo, quyết toán, công khai tài chính theo đúng qui định để cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được biết tình hình thực hiện chi tiêu tài chính tại đơn vị của mình. Thường xuyên tổ chức kiểm tra giám sát việc thu chi, bảo đảm chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên và nhân viên của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Các nguồn lực để tạo nguồn kinh phí phục vụ cho các hoạt động của nhà trường còn hạn hẹp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021-2022, nhà trường tiếp tục triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, hành chính, tài chính, tài sản; thường xuyên cập nhật thông tin trên hệ thống các phần mềm đang sử dụng. Nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch phát huy các nguồn lực để tạo nguồn tài chính hợp pháp để tăng cường các điều kiện cải tạo cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện dạy học nhẳm tạo điều kiện tốt nhất cho giáo viên và học sinh trong các hoạt động dạy và học.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 1.

**Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên**

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Căn cứ vào kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong dịp hè hoặc đầu năm học như bồi dưỡng chính trị, tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do Phòng Giáo dục và Đào tạo, phòng nội vụ huyện Hóc Môn tổ chức; bên cạnh đó, cán bộ, giáo viên, nhân viên xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên định hướng và tự bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ trong năm học [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02].

Đầu năm học, căn cứ vào tình hình nhân sự nhà trường, qua tham khảo qua ý kiến đóng góp của phó hiệu trưởng chuyên môn, tổ trưởng chuyên môn, Hội đồng trường Ban lãnh đạo sẽ phân công chuyên môn, công tác kiêm nhiệm phù hợp với năng lực, hoàn cảnh của từng giáo viên. [H1-1.7-03]; [H1-1.7-04]; [H1-1.7-05].

Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên đều được đảm bảo các quyền lợi về vật chất, tinh thần theo quy định của nhà giáo và quy chế của nhà trường: Được nhà trường tạo điều kiện để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh, được hưởng mọi quyền lợi về vật chất. Nhà trường kết hợp với trường Trung học cơ sở Xuân Thới Thượng hợp đồng bệnh viện đa khoa Xuyên Á huyện Củ Chi chăm sóc sức khỏe theo chế độ chính sách quy định đối với nhà giáo, được đảm bảo chế độ lương và chính sách [H1-1.2-02]; [H1-1.3-02]; [H1-1.7-06].

Mức 2:

Để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; hiệu trưởng phân công công việc phù hợp, chỉ đạo kế toán thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách kịp thời; xây dựng quy chế thi đua, khen thưởng rõ ràng, phù hợp nhằm khuyến khích kịp thời cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.2-02]; [H1-1.7-03]; [H1-1.7-06].

Nhà trường luôn tạo điều kiện, động viên, khuyến khích đội ngũ tham gia học tập bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ qua việc khen thưởng khi hoàn tất khóa học, hỗ trợ toàn phần hoặc một phần kinh phí học tập [H1-1.6-02].

**2. Điểm mạnh**

Hiệu trưởng luôn quan tâm đến công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định.

**3. Điểm yếu**

Công tác tự bồi dưỡng của giáo viên chưa phát huy hiệu quả để nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ. Còn nhiều giáo viên hợp đồng thỉnh giảng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021-2022, nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng giáo viên rõ ràng, chi tiết, tiếp tục tạo điều kiện, động viên, khuyến khích kịp thời trong công tác bồi dưỡng. Phấn đấu 5 năm tiếp theo một trăm phần trăm giáo viên đều đạt chuẩn đáp ứng yêu cầu giảng dạy theo quy định. Tiếp tục thực hiện phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hợp lý, đúng người đúng việc đảm bảo hiệu quả tất cả các mặt hoạt động của nhà trường.

**5. Tự đánh giá:**Đạt mức 1.

**Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục**

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Đầu năm học, căn cứ vào các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, căn cứ vào điều kiện thực tế hiệu trưởng xây dựng kế hoạch giáo dục hoạt động trong năm học. Kế hoạch giáo dục bao gồm các nội dung thực hiện chương trình; các mục tiêu, giải pháp trong thực hiện công tác quản lý, đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05].

Kế hoạch giáo dục sau khi được sự thống nhất và đồng tình của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên được nhà trường, tổ chuyên môn và các bộ phận triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ theo nội dung kế hoạch đề ra [H1-1.8-01].

Hằng tháng, sau khi họp triển khai công tác tháng các tổ chuyên môn tiến hành họp tổ nhằm tự rà soát, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch giáo dục, từ đó có sự điều chỉnh cho phù hợp với tình hình học sinh và nhà trường [H-1.4-05]. Sau mỗi học kỳ, nhà trường thực hiện đánh giá sơ kết, tổng kết để từ đó rút kinh nghiệm, đưa ra giải pháp và định hướng trong học kỳ sau và những năm học tiếp theo [H1-1.8-01].

Mức 2:

Nhà trường có kế hoạch kiểm tra các bộ phận, giáo viên, nhân viên trong từng năm học. Thông qua đó cán bộ quản lý nhà trường chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá công việc của giáo viên và bộ phận trong quá trình thực hiện kế hoạch [H1-1.8-02]. Trong năm học Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện cũng về kiểm tra các hoạt động giáo dục của nhà trường qua đó giúp nhà trường khắc phục những thiếu sót, tồn tại [H1-1.8-03].

**2. Điểm mạnh**

Kế hoạch giáo dục được triển khai nghiêm túc, hiệu quả, có kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

**3. Điểm yếu**

Việc thực hiện công tác tự kiểm tra ở các bộ phận, tổ bộ môn chưa kịp thời, đúng tiến độ; công tác lưu trữ hồ sơ chưa đầy đủ, khoa học còn sai sót.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2021-2022, nhà trường tiếp tục xây dựng và triển khai kế hoạch dạy học trong toàn trường, đề ra các biện pháp hữu hiệu phù hợp trong thời gian nghỉ học phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp CoVid-2019 để thực hiện thành công chương trình năm học do Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đề ra. Tiếp tục duy trì tăng cường các biện pháp kiểm tra, nhận xét, rút kinh nghiệm việc thực hiện kế hoạch dạy học của giáo viên. Từ năm học 2021 – 2022 Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo Phó hiệu trưởng thực hiện tốt việc xây dựng, triển khai và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch dạy học trong toàn trường. Hiệu trưởng yêu cầu các giáo viên bổ sung, điều chỉnh kịp thời các kế hoạch giáo dục và thực hiện tuyên dương các giáo viên thực hiện tốt, cũng như nhắc nhở các giáo viên còn thiếu sót.

**5. Tự đánh giá:**Đạt mức 1.

**Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở**

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hiệu trưởng luôn tạo điều kiện phát huy và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong nhà trường; cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến về việc xây dựng nội quy, quy chế các kế hoạch của nhà trường; … thông qua các buổi họp hội đồng trường, hội đồng sư phạm, họp tổ chuyên môn, họp tổ công đoàn. Tuy nhiên, còn một số giáo viên, nhân viên chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến trong các cuộc họp [H1-1.2-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02]. Học sinh được tham gia ý kiến về các hoạt động của nhà trường thông qua buổi họp cán bộ các lớp cùng ban giám hiệu, qua giáo viên chủ nhiệm lớp [H1-1.5-01]; [H1-1.9-03].

Khi có các khiếu nại, kiến nghị thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường; cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có thể trình bày ngay trong các buổi họp hội đồng sư phạm, họp tổ chuyên môn, họp tổ công đoàn hoặc thông qua tổ chức công đoàn, Ban Thanh tra nhân dân để được giải quyết đúng trình tự và theo quy định của pháp luật [H1-1.2-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.4-05]; [H1-1.9-02]; [H1-1.9-04]

Nhà trường báo cáo tình hình, kết quả thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường và báo cáo theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân [H1-1.6-02]; [H1-1.9-02]; [H1-1.9-04]; [H1-1.9-05].

Mức 2:

Định kỳ, Hội nghị cán bộ công chức, viên chức, ban thanh tra nhân dân được bầu cử và hoạt động theo đúng hướng dẫn của cấp trên, hiệu trưởng ra quyết định thành lập ban kiểm tra nội bộ để cùng giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, giải đáp kịp thời mọi thắc mắc của đội ngũ.

**3. Điểm yếu**

Một số giáo viên, nhân viên chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến để xây dựng nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tiếp tục năm học 2021-2022, nhà trường, công đoàn tiếp tục thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, đảm bảo chế độ báo cáo quá trình thực hiện quy chế dân chủ theo quy định. Động viên giáo viên, nhân viên mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến vì sự phát triển của nhà trường. Ban thanh tra nhân dân xây dựng các biện pháp giám sát linh hoạt để tăng cường cơ chế giám sát hiệu quả, tích cực hơn.

**5. Tự đánh giá:**Đạt mức 1.

**Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; đưa giáo dục kỹ năng sống vào tiết dạy; phối hợp với các ban ngành trong địa phương, các cơ quan đơn vị, các chuyên gia tâm lý, các tổ chức trong nhà trường tuyên truyền, hướng dẫn, báo cáo các chuyên đề về phòng chống tệ nạn xã hội,an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trong trường học, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục sức khỏe giới tính. Tổ chức và tham gia hội thi sơ cấp cứu cấp trường, cấp huyện, diễn tập phòng cháy, chữa cháy [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05]; [H1-1.10-06]; [H1-1.10-07].

Nhà trường có Website, địa chỉ email thông tin rộng rãi đến cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh và học sinh, có nhân viên y tế, có phân công Ban giám hiệu, quản sinh tiếp nhận thông tin và có biện pháp phối hợp giữa Ban giám hiệu, quản sinh, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, phối hợp giữa nhà trường với địa phương để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân, đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

Nhà trường thường xuyên kiểm tra cơ sở vật chất, điện, nước, luôn có những phương án phòng ngừa, kịp thời đối phó với mọi tình huống để bảo đảm an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Trong thời gian qua không có xảy ra những trường hợp làm ảnh hưởng đến tính mạng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, không ảnh hưởng đến cơ sở vật chất của nhà trường. Nhà trường đã xây dựng được khối đoàn kết nhất trí, luôn giữ vững tính thân thiện, hòa khí trong cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.4-06].

Mức 2:

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh của trường được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện các biện pháp, kỹ năng, phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống tai nạn, thương tích, phòng chống cháy nổ, dịch bệnh, tệ nạn xã hội và bạo lực học đường, giáo dục thực hiện an toàn giao thông, giáo dục về bình đẳng giới... thông qua các buổi sinh hoạt đầu tuần, báo cáo chuyên đề, sinh hoạt ngoại khóa, hội họp; thực hiện các nội dung trong tiết hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05]; [H1-1.10-06]; [H1-1.10-07].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả như: Lực lượng đoàn viên giáo viên phối hợp, hỗ trợ quản sinh công tác giám sát học sinh vào giờ chơi và giờ ra về ở hành lang các lớp học, cầu thang, nhà vệ sinh và cổng trường [H1-1.3-03]. Thực hiện tốt công tác phối hợp giáo dục, nắm bắt thông tin, phát hiện, xử lý học sinh có dấu hiệu vi phạm giữa các bộ phận trong nhà trường và cha mẹ học sinh [H1-1.10-08].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có kế hoạch cụ thể về đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội. Đảm bảo an toàn cho học sinh và cho trong cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Luôn quan tâm và tạo môi trường thân thiện cho học sinh qua các hoạt động vui chơi, giải trí trong nhà trường như: Tổ chức các hội thi thể dục thể thao, văn hóa, văn nghệ, hội trại, tổ chức các ngày lễ lớn, ... Quan tâm việc cải tạo, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất đảm bảo phục vụ tốt cho công tác giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh, đảm bảo an toàn trường học.

Không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới. Kịp thời phát hiện và xử lý những vi phạm, sai phạm của học sinh.

**3. Điểm yếu**

Trường vẫn còn xảy ra việc vi phạm trong ứng xử văn hóa trong trường học, một vài học sinh xích mích dẫn tới gây gỗ, đánh nhau nhà trường đã nắm bắt thông tin kịp thời để xử lý. Công trình xây dựng còn trong giai đoạn di tu bảo dưỡng chưa an toàn phòng, chống tai nạn thương tích.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021-2022, nhà trường tiếp tục đẩy mạnh công tác phối hợp với chính quyền địa phương để làm tốt hơn việc gìn giữ an ninh trật tự, an toàn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh trong và ngoài nhà trường. Tăng cường giáo dục và kiên quyết xử lý các trường hợp học sinh vi phạm lỷ luật; ngăn chặn kịp thời tình trạng bạo lực học đường. Đẩy mạnh phong trào thi đua xây dựng trường học thân thiện; xây dựng nề nếp gìn giữ vệ sinh môi trường. Tiếp tục đẩy mạnh, tăng cường công tác giáo dục kỹ năng sống cho học sinh; thúc đẩy, bồi dưỡng giáo viên nâng cao kỹ năng sư phạm, tư vấn tâm lý. Nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh, học sinh trong nhà trường về công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Hằng năm, thực hiện kịp thời kế hoạch mua sắm, kiểm tra các phương tiện đảm bảo an toàn nhà trường.

**5. Tự đánh giá:**Đạt mức 1.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 1:**

\* Điểm mạnh:

Nhà trường luôn đảm bảo thu chi tài chính theo đúng quy định của Nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường; thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai minh bạch, chưa có khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh nào.

\* Điểm yếu:

Trường chưa đủ số tổ chuyên môn, số khối lớp theo quy định.

Trường chưa xây dựng được kế hoạch để tạo các nguồn kinh phí hợp pháp phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường.

\* Số lượng các tiêu chí đạt mức 1: 10/10.

\* Số lượng các tiêu chí đạt mức 2: 2/10.

\* Số lượng các tiêu chí đạt mức 3: 00/10.

Mức 1:

-Tổng số tiêu chí: 10

-Tổng số tiêu chí đạt: 10

-Tổng số tiêu chí không đạt: 00

Mức 2:

-Tổng số tiêu chí: 10

-Tổng số tiêu chí đạt: 02

-Tổng số tiêu chí không đạt: 08

Mức 3:

-Tổng số tiêu chí: 10

-Tổng số tiêu chí đạt: 00

-Tổng số tiêu chí không đạt: 10

**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh**

**Mở đầu**:

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên là lực lượng giáo dục quan trọng có tính chất quyết định hiệu quả hoạt động giáo dục; hoạt động của mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên thực sự góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường.

Cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức trong sáng, lành mạnh, có trình độ chuyên môn vững vàng, có kinh nghiệm giảng dạy và tư vấn cho đội ngũ giáo viên trên tất cả mọi lĩnh vực, tận tụy, nhiệt huyết với công việc. Giáo viên, nhân viên của trường đảm bảo yêu cầu quy định và đều được đào tạo chuyên môn phù hợp với công tác được phân công. Nhiều giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp quận, có uy tín với học sinh và nhân dân địa phương.

Nội bộ nhà trường đoàn kết, tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường nêu cao tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ, hỗ trợ, chia sẻ những khó khăn trong công tác cũng như trong cuộc sống. Từ đó, thúc đẩy hoạt động giáo dục của nhà trường.

**Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng**

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Cán bộ quản lý của trường gồm có 01 hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng. Hiệu trưởng đạt trình độ thạc sĩ, 01 phó hiệu trưởng đạt trình độ đại học, có trình độ trung cấp lý luận chính trị và đã qua đào tạo các lớp cán bộ quản lý giáo dục [H1-1.6-08]; [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03].

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng của trường đều được đánh giá đạt chuẩn theo quy định của Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT [H2-2.1-01].

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chính trị, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý do Phòng Giáo dục và Đào tạo, Trường Bồi dưỡng giáo dục, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện phối hợp tổ chức; cá nhân hiệu trưởng và phó hiệu trưởng có kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên nhằm tự bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02].

Mức 2:

Hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn ở mức khá trở lên. [H2-2.1-01].

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều đã qua lớp trung cấp lý luận chính trị và được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị do Phòng Giáo dục và Đào tạo, Trường Bồi dưỡng giáo dục, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyên phối hợp trường Cán bộ thành phố tổ chức. Cán bộ quản lý nhà trường được tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên tín nhiệm, hiệu trưởng qua kết quả bỏ phiếu tín nhiệm đều đạt tỷ lệ trên 95%, phó hiệu trưởng đạt từ trên 90%. [H2-2.1-02].

Mức 3:

Trong 05 năm, từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đủ 05 năm theo yêu cầu của tiêu chí. Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020, hiệu trưởng đều được đánh giá đạt chuẩn mức khá trở lên, đạt chuẩn mức đạt yêu cầu trở lên [H2-2.1-01].

**2. Điểm mạnh**

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đạt yêu cầu tiêu chí đánh giá.

**3. Điểm yếu**

Phó hiệu trưởng chưa đạt trình độ tin học và ngoại ngữ chuẩn theo quy định.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2019-2020, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng nhà trường tiếp tục phát huy vai trò gương mẫu và tinh thần trách nhiệm cao trong mọi hoạt động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường. Tích cực chủ động tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ, tích lũy kinh nghiệm.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên**

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Tại thời điểm đánh giá, trường có 11 giáo viên; số lượng giáo viên chưa đảm bảo về cơ cấu để thực hiện chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/07/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và Thông tư số 28/2009/TT- BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông [H1-1.7-04]. Nhà trường phải hợp đồng thỉnh giảng thêm một số bộ môn còn thiếu.

Hiện nay trường có 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn, trong đó trên chuẩn chiếm 99%, 01 giáo viên đang học cao học [H1-1.6-08].

Có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên [H2-2.2-01].

Mức 2:

Trong năm tính đến thời điểm tự đánh giá tỉ lệ giáo viên trên chuẩn được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp [H2-2.2-01].

Trong năm tính đến thời điểm tự đánh giá, trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên [H2-2.2-01].

Căn cứ kế hoạch năm học, kế hoạch giáo dục hằng năm; nhà trường phân công cho giáo viên các tổ bộ môn xây dựng kế hoạch và thực hiện các hoạt động trải nghiệm, Chưa hướng nghiệp cho học sinh, tổ chức các chuyên đề định hướng nghề nghiệp, phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở do hiện tại trường mới đưa vào giảng dạy chỉ khối 6 [H1-1.1-05]; [H1-1.4-05]; [H1-1.8-01].

Từng bước hướng dẫn được cho học sinh các hoạt động nghiên cứu khoa học, học sinh đã thực hiện được một số đề tài thiết thực, phù hợp [H1-1.4-05].

Trong năm tính đến thời điểm tự đánh giá nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.1-02].

Mức 3:

Trong năm tính đến thời điểm tự đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá [H2-2.2-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đội ngũ giáo viên đảm bảo trình độ đạt chuẩn và có nhiều giáo viên đạt trên chuẩn góp phần hoàn thành tốt mục tiêu giáo dục.

**3. Điểm yếu**

Tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt chưa có.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch để giáo viên được bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ, yên tâm công tác và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao tăng tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt. Tiếp tục phân công cho các tổ chuyên môn tổ chức thực hiện các hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu khoa học.

Triển khai, nhân rộng các đề tài sáng kiến đã được huyện thẩm định đến toàn thể giáo viên.

Đẩy mạnh phong trào viết sáng kiến kinh nghiệm, thành lập các câu lạc bộ khoa học. Động viên, khuyến khích giáo viên tham gia hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học.

**5. Tự đánh giá:**Đạt mức 1.

**Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên**

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có hợp đồng 01 nhân viên kế toán, 01 thủ quỹ, 01 văn thư công tác đến thời điểm tháng 03/2020, 03 bảo vệ, 02 phục vụ, 01 giáo viên kiêm nhiệm phụ trách phòng thực hành thí nghiệm và 01 nhân viên làm công tác y tế trường học [H1-1.7-04]; [H1-1.7-05].

Các nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm được phân công công việc phù hợp, theo đúng năng lực thực tế của từng người ứng với từng vị trí việc làm [H1-1.7-03]; [H1-1.7-04]; [H1-1.7-05].

Mức 2:

Tại thời điểm tháng 03/2020 nhà trường chưa có nhân viên phụ trách công tác văn thư.

Trong năm tính đến thời điểm tự đánh giá, trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.1-02].

Căn cứ chuyên môn được đào tạo, nhà trường phân công nhiệm vụ phù hợp vị trí việc làm theo quy định [H1-1.7-04]; [H1-1.7-05].

Theo kế hoạch hằng năm của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn, khi có các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ dành cho nhân viên theo vị trí việc làm, nhà trường đều cử nhân viên tham gia học tập đầy đủ [H2-2.3-01].

**2. Điểm mạnh**

100% nhân viên nhà trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, không có nhân viên bị vi phạm kỷ luật.

**3. Điểm yếu**

Nhân viên hiện tại trường hợp đồng chưa đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2021-2022, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân viên đối các vị trí việc làm còn thiếu.

Tạo điều kiện thuận lợi để nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ..

**5. Tự đánh giá:** đạt mức 1.

**Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh**

Mức 1:

a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;

c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường hiện có 365 học sinh. Tất cả học sinh đều đảm bảo về tuổi theo quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H1-1.5-02]; [H1-1.6-03].

Đầu năm học, nhà trường đã tổ chức cho học sinh học tập nội quy, các quy định về nhiệm vụ, hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục và quyền của học sinh theo quy định của Điều 38, 39, 40 của Điều lệ trường trung học và các quy định hiện hành [H1-1.5-01]; [H2-2.4-01].

Tất cả học sinh của trường được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 39, Chương V của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và các quy định của pháp luật về Quyền trẻ em. Học sinh của trường được tiếp cận giáo dục toàn diện, được sử dụng trang thiết bị và các phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hóa, thể thao của nhà trường; được đảm bảo những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập ở lớp, được cung cấp thông tin về việc học tập của mình; được tham gia các hoạt động ngoại khoá; được khám sức khỏe hằng năm; được nêu ý kiến, bày tỏ nguyện vọng; được hưởng các chế độ chính sách, ... [H1-1.3-04]; [H1-1.6-13]; [H1-1.9-03].

Mức 2:

Nhà trường luôn chú trọng đến việc giáo dục học sinh thực hiện tốt nội quy và các quy định về hành vi không được làm theo Điều 41, Chương V theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Các trường hợp vi phạm của học sinh đều được phát hiện và xử lý kịp thời bằng các biện pháp giáo dục phù hợp với từng đối tượng học sinh thông qua sự phối hợp giữa các bộ phận giáo viên chủ nhiệm, quản sinh, giáo viên bộ môn, cha mẹ học sinh, Liên đội để từ đó học sinh nhận thức việc làm sai, biết khắc phục và sửa sai để tiến bộ hơn. Học sinh vi phạm sau khi được khuyên bảo, động viên, xử lý đều có những chuyển biến tích cực [H1-1.2-05]; [H1-1.10-08].

Mức 3:

Trong năm học trường có đạt thành tích trong một số hội thi, các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao do ngành tổ chức. Những thành tích trên tác động tích cực đến hoạt dạy, học và phong trào văn thể mỹ của nhà trường [H1-1.2-02]; [H1-1.8-01].

**2. Điểm mạnh**

Học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, được đảm bảo các quyền lợi về học tập, được giáo dục toàn diện về kiến thức, kỹ năng, năng khiếu; được nhà trường tạo điều kiện về vật chất lẫn tinh thần để phát triển phẩm chất và năng lực của bản thân.

Một số ít học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Trường vẫn còn một số học sinh chưa chấp hành nội quy nhà trường, thiếu ý thức trong học tập.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021-2022 nhà trường duy trì và phát huy những thành tích đạt được về chất lượng đào tạo cũng như các hoạt động phong trào. Hạn chế thấp nhất học sinh vi phạm các hành vi không được làm bằng cách tăng cường giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, tạo nhiều sân chơi bổ ích cho học sinh, các hội thi, hội thao, được tham quan học tập trải nghiệm, tham gia các câu lạc bộ võ thuật, năng khiếu, tạo điều kiện cho giáo viên tham gia học tập, trao đổi kinh nghiệm và tham gia học các lớp bồi dưỡng về công tác giáo viên chủ nhiệm.

**5. Tự đánh giá:**Đạt mức 1.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 2:**

\* Điểm mạnh:

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của nhà trường được đảm bảo các quyền lợi, chế độ, chính sách theo quy định.

Học sinh của nhà trường đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có tác động tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

\* Điểm yếu:

Nhân viên là diện hợp đồng nên việc đáp ứng phục vụ lâu dài cho nhà trường sẽ gặp khó khăn nhất là công tác tuyển mới và hướng dẫn, đào tạo lại.

\* Số lượng các tiêu chí đạt mức 1: 04/04.

\* Số lượng các tiêu chí đạt mức 2: 01/04.

\* Số lượng các tiêu chí đạt mức 3: 00/04.

Mức 1:

-Tổng số tiêu chí: 04

-Tổng số tiêu chí đạt: 04

-Tổng số tiêu chí không đạt: 00

Mức 2:

-Tổng số tiêu chí: 04

-Tổng số tiêu chí đạt: 01

-Tổng số tiêu chí không đạt: 03

Mức 3:

-Tổng số tiêu chí: 04

-Tổng số tiêu chí đạt: 00

-Tổng số tiêu chí không đạt: 04

**Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học**

**Mở đầu**:

Từ khi thành lập đến nay, với sự đầu tư của nhà nước và từ nhiều nguồn vốn khác nhau, nhà trường đã có hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tương đối đảm bảo. Với 45 phòng học, các khối phòng hành chính đầy đủ, thiết bị dạy học được đầu tư mua sắm, bổ sung thường xuyên, trang thiết bị y tế được đầu tư, khu sân chơi bãi tập được bố trí hợp lý, các công trình phụ như nhà để xe, nhà vệ sinh được bố trí phù hợp, tất cả đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh trong nhà trường.

**Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập**

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m2/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m2/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường có tổng diện tích sử dụng là 14 090,7 m2; trong năm học 2019 – 2020, trường có 11 lớp với tổng học sinh 465 chiếm tỉ lệ bình quân 30 m2/học sinh [H3-3.1-01]. Khuôn viên nhà trường có cây xanh, sạch, đẹp.

Trường có khuôn viên riêng biệt, xung quanh có tường rào với 3 cổng ra vào: cổng 1 trên đường Nguyễn Văn Bứa và 2 cổng trên đường nội bộ kênh 10, có biển tên trường đúng quy định [H3-3.1-02].

Nhà trường có diện tích sân chơi, bãi tập là 10545 m2 (chiếm tỷ lệ 74.8% tổng diện tích sử dụng của trường), có thiết bị luyện tập, có khu hồ bơi, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường [H3-3.1-03].

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập, hồ bơi đảm bảo đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-04].

Mức 3:

Trường có tổng diện tích sử dụng là 14 090,7 m2; trong năm học 2019– 2020, tính theo đầu học sinh đạt tỉ lệ bình quân 30 m2/học sinh nên đạt trên chuẩn quy định (ít nhất 10 m2). Khu sân chơi, bãi tập có diện tích là 10545 m2 (chiếm tỷ lệ 74.8% tổng diện tích sử dụng của trường) đạt chuẩn theo quy định [H3-3.1-03].

**2. Điểm mạnh**

Khuôn viên nhà trường đảm bảo các yêu cầu về xanh, sạch, đẹp; có cổng trường, biển tên trường; sân chơi, bãi tập được bố trí hợp lý đảm bảo đúng theo quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục. Nhà trường có khu hồ bơi diện tích 510 m2.

**3. Điểm yếu**

Không có.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021-2022, nhà trường tiếp tục duy trì diện tích mảng xanh, tổ chức nhiều hoạt động giáo dục học sinh biết giữ gìn vệ sinh, phân loại rác tại nguồn và bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp; tham gia lao động vệ sinh trường lớp..

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập**

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có 45 phòng học, diện tích mỗi phòng là 48 m2 đảm bảo đúng quy cách, được trang bị hệ thống điện chiếu sáng, mỗi phòng có 18 bóng đèn, 05 quạt máy, 01 bảng từ chống lóa, hệ thống âm thanh.

Trong mỗi phòng học được bố trí 24 bộ bàn ghế kết cấu chắc chắn, chịu lực, chịu được nước, không cong vênh, không độc hại: Khung sắt, mặt gỗ sơn vàng nhạt, 2 ghế rời, có tựa sau; được xếp thành 04 dãy dọc, đảm bảo đủ chỗ cho tất cả học sinh trong lớp [H3-3.2-01].

Nhà trường có các phòng học bộ môn như phòng thực hành các môn Lý, Hóa, Sinh, Tin học, phòng tiếng Anh, thư viện đạt tiêu chuẩn theo quy định [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03].

Mức 2:

Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập [H3-3.2-01].

Khối phục vụ học tập gồm các phòng thiết bị, phòng Đoàn- Đội, phòng hội trường, … theo quy định và đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03].

Mức 3:

Trong các phòng học, phòng bộ môn của trường có đủ các trang thiết bị dạy học theo quy định, nhưng vẫn còn thiếu một số thiết bị thực hành khối 8 và 9, chưa đủ các loại đầu sách dành cho thư viện [H3-3.3-01] [H3-3.2-02]; [H3-3.2-04].

**2. Điểm mạnh**

Trường có hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học hoàn chỉnh và đồng bộ. Phòng học, phòng bộ môn, thư viện, được trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc, phục vụ tốt cho việc dạy học, quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Chưa trang bị đủ thiết bị thí nghiệm cho 4 khối, thư viện chưa đủ các đầu sách.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tiếp tục năm học 2021-2022, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch mua sắm trang thiết bị, tài liệu sách giáo khoa, tài liệu tham khảo đáp ứng hoàn thiện các khối lớp, thường xuyên kiểm tra, bảo trì, nâng cấp các trang thiết bị phục vụ tốt nhất cho việc dạy, học và giáo dục; nhà trường tiếp tục duy trì trường lớp xanh, sạch đẹp.

**5. Tự đánh giá:**Đạt mức 1.

**Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị**

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Khối phòng hành chính - quản trị được bố trí đầy đủ, bao gồm: Phòng làm việc của Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng tài vụ, hội trường, phòng y tế, phòng quản sinh, nhà kho [H3-3.3-01].

Nhà để xe giáo viên và học sinh được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự [H3-3.1-02].

Nhà trường tổ chức kiểm tra và báo cáo hiệu quả sử dụng, bảo quản đồng thời xây dựng kế hoạch bổ sung, sửa chữa, mua sắm thêm máy móc, trang thiết bị [H3-3.3-03].

Mức 2:

Các phòng trong khối hành chánh - quản trị bố trí khoa học thuận tiện cho việc di chuyển, trao đổi công việc. [H3-3.3-01].

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị được trang bị máy photocopy, hệ thống máy vi tính, máy in được kết nối internet và được sắp xếp hợp lý, khoa học, hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường [H3-3.3-01].

**2. Điểm mạnh**

Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính- quản trị của nhà trường, có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường và định kỳ được sửa chữa, bổ sung.

Nhà để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

**3. Điểm yếu**

Không có.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021-2022, nhà trường tiếp tục bổ sung các thiết bị cho khối hành chính - quản trị, tăng cường ứng dụng công thông tin hiệu quả trong công tác hỗ trợ các hoạt động nhà trường, tổ chức thống kê sắp xếp lại các bộ phận, nhân sự hợp lý.

**5. Tự đánh giá:**Đạt mức 1.

**Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước**

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có 04 khu vệ sinh nam, 04 khu vệ sinh nữ được bố trí riêng biệt ở cuối mỗi dãy hành lang và 02 khu phòng vệ sinh dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên phù hợp với cảnh quan trường học, đảm bảo an toàn, thuận tiện và sạch sẽ, không ô nhiễm môi trường [H3-3.4-01].

Nhà trường có nguồn nước sạch phục vụ sinh hoạt ăn uống của giáo viên, nhân viên, học sinh được cung cấp bởi công ty cấp nước Bình Chánh, chất lượng nước đã được Viện Pasteur kiểm nghiệm và chứng nhận.Nhà trường có hệ thống thoát nước được kết nối với hệ thống thoát nước của địa phương, việc thoát nước kịp thời không gây ngập nước ở sân trường. [H3-3.4-02]; [H3-3.4-03].

Nhà trường hợp đồng với Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ công ích huyện Hóc Môn thực hiện thu gom rác và xử lý chất thải hằng ngày để đảm bảo vệ sinh môi trường luôn sạch sẽ. Kể từ năm học 2019 – 2020, nhà trường đã triển khai và hướng dẫn học sinh phân loại rác thải tại nguồn. Hiện học sinh đã quen và có ý thức tốt trong việc phân loại rác tại nguồn [H3-3.4-03]; [H3-3.4-04]..

Mức 2:

Khu vệ sinh được bố trí phù hợp theo điều kiện cảnh quan, cơ sở vật chất thực tế của nhà trường; đảm bảo thuận tiện cho giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.4-01].

Hệ thống cấp nước, thoát nước, thu gom và xử lý chất thải của trường được thực hiện thông qua hợp đồng với các công ty chuyên trách của nhà nước, nên đáp ứng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế [H3-3.4-02]; [H3-3.4-03].

**2. Điểm mạnh**

Có các khu vệ sinh riêng biệt được bố trí hợp lý cho giáo viên, nhân viên và học sinh; vị trí phù hợp với cảnh quan trường học, an toàn, thuận tiện, sạch sẽ.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh ý thức cao trong việc giữ vệ sinh trường lớp và phân loại rác tại nguồn.

**3. Điểm yếu**

Không có.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2012-2022 và các năm học tiếp theo, nhà trường tăng cường giáo dục học sinh ý thức giữ gìn vệ sinh chung; hướng dẫn học sinh và hình thành cho học sinh thói quen phân loại rác thải; yêu cầu nhân viên phục vụ đảm bảo thực hiện tốt vệ sinh môi trường.

Tham mưu với các cấp lãnh đạo dành kinh phí sửa chữa, nâng cấp hệ thống nhà vệ sinh của nhà trường.

**5. Tự đánh giá:**Đạt mức 1.

**Tiêu chí 3.5: Thiết bị**

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có đủ máy vi tính, máy in, máy photocopy, … và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường như: Hệ thống âm thanh, máy cassette; có 03 máy chiếu trang bị cho 03 phòng thực hành thí nghiệm, phòng hội trường; 01 tivi màn hình Led cho phòng giáo viên; 192 máy vi tính…. [H1-1.6-01]

Có đủ thiết bị dạy học theo danh mục tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định khối 6, 7 [H3-3.2-04].

Cuối năm nhà trường đều tiến hành kiểm kê, rà soát, đánh giá công tác thiết bị để có cơ sở đưa ra các biện pháp sửa chữa, nâng cấp bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm đáp ứng yêu cầu của các năm học tiếp theo [H3-3.5-01]; [H3-3.3-03].

Mức 2:

Tất cả các máy vi tính trong nhà trường ở các bộ phận hành chánh- quản trị, phòng giáo viên, phòng vi tính đều được kết nối mạng Internet để phục vụ các hoạt động quản lý, hoạt động dạy và học [H3-3.5-02].

Nhà trường có đủ thiết bị dạy học từ khối lớp 6 đến khối lớp 7, máy chiếu và các trang thiết bị thiết yếu phục vụ giảng dạy và học tập theo quy định [H3-3.2-04].

Cuối năm, sau khi kiểm kê, rà soát, đánh giá việc bảo quản và sử dụng đồ dùng, thiết bị, các bộ phận xây dựng kế hoạch, đề xuất cho hiệu trưởng để mua sắm hoặc sửa chữa, bổ sung các trang thiết bị. Hiện nay một số giáo viên cũng đã thực hiện được một số đồ dùng dạy học [H3-3.2-04]; [H3-3.3-03]; [H3-3.5-01].

Mức 3:

Phòng thí nghiệm đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H3-3.2-04]; [H3-3.3-03]; [H3-3.5-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ các thiết bị theo quy định, đảm bảo phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và các hoạt động khác của nhà trường

**3. Điểm yếu**

Chưa trang bị đầy đủ phương tiện dạy học ở các phòng học bộ môn.

Số lượng thiết bị dạy học tự làm của giáo viên còn ít.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021-2022, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch mua sắm, xã hội hóa nhằm trang bị thêm máy chiếu, trang thiết bị dạy học cho các phòng học và phòng bộ môn.

Động viên giáo viên tự làm đồ dùng dạy học có chất lượng.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 1.

**Tiêu chí 3.6: Thư viện**

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Thư viện của trường được trang bị chưa đầy đủ sách giáo khoa, sách tham khảo, sách nghiệp vụ, băng đĩa giáo khoa các loại từng bước nhà trường bổ sung phục vụ hoạt động nghiên cứu, nắm bắt thông tin, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của giáo viên, học sinh và nhân viên [H1-1.6-01]; [H1-1.6-09]; [H3-3.6-01].

Vào đầu năm học, cán bộ thư viện đều lập kế hoạch, thời khoá biểu hoạt động để giáo viên và học sinh đến mượn và đọc sách. Cán bộ thư viện thường xuyên giới thiệu sách đến học sinh và giáo viên mỗi khi có sách mới (dưới sân trường, danh mục giới thiệu sách trước thư viện, ở phòng giáo viên). Hoạt động của thư viện đã đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, dạy và học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, có đủ danh mục các loại sách, báo, các loại tạp chí, văn bản [H1-1.6-09]; [H3-3.6-01]; [H3-3.6-02].

Thư viện luôn được bổ sung sách, tài liệu tham khảo, các văn bản quy phạm pháp luật đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh từ nguồn kinh phí của nhà trường, từ kinh phí tự tạo của hoạt động thư viện [H3-3.5-01]; [H3-3.6-03]; [H3-3.6-04].

Mức 2:

Thư viện nhà trường có diện tích 48 m2 chua đảm bảo diện tích tối thiểu theo Quyết định số 01/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 và Quyết định số 01/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 29 tháng 01 năm 2004 và văn bản số 11185/GDTH của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 17 tháng 12 năm 2004 về tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông. Bên cạnh các trang thiết bị, các ấn bản sách, báo... theo quy định. Hoạt động của thư viện đã đáp ứng tối thiểu yêu cầu nghiên cứu của giáo viên, đội ngũ quản lý cũng như nhân viên và học sinh nên trong năm thư viện của trường được đánh giá Thư viện trường học đạt chuẩn [H3-3.6-05].

Mức 3:

Thư viện của nhà trường có 01 máy vi tính có kết nối internet dành cho nhân viên thực hiện công tác quản lý, chưa có hệ thống máy vi tính được kết nối Internet cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh có nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học [H1-1.6-09]; [H3-3.6-03].

**2. Điểm mạnh**

Thư viện nhà trường đã được công nhận đạt chuẩn theo quy định.

**3. Điểm yếu**

Thư viện của nhà trường chưa đạt Thư viện trường học tiên tiến.

Chưa có hệ thống máy vi tính được kết nối Internet nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, cũng như các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021-2022, nhà trường tiếp tục bổ sung sách, tài liệu tham khảo, các văn bản quy phạm pháp luật đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Thư viện phối hợp với giáo viên bộ môn Ngữ văn hướng dẫn học sinh đọc sách, viết cảm nhận, thi kể chuyện qua phong trào “Lớn lên cùng sách”, “Hội thi kể chuyện văn học”, …

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 1.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 3:**

\* Điểm mạnh:

Phòng học và phòng học bộ môn, cơ sở vật chất và trang thiết bị của nhà trường đầy đủ, đúng yêu cầu phục vụ tốt hoạt động dạy học và giáo dục toàn diện.

Thư viện nhà trường đã được công nhận đạt chuẩn theo quy định.

\* Điểm yếu:

Thư viện chưa có hệ thống máy vi tính được kết nối Internet cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh có nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học

Thư viện của nhà trường chưa đạt thư viện trường học tiên tiến.

\* Số lượng các tiêu chí đạt mức 1: 06/06.

\* Số lượng các tiêu chí đạt mức 2: 01/06.

\* Số lượng các tiêu chí đạt mức 3: 00/06.

Mức 1:

-Tổng số tiêu chí: 06

-Tổng số tiêu chí đạt: 06

-Tổng số tiêu chí không đạt: 0

Mức 2:

-Tổng số tiêu chí: 06

-Tổng số tiêu chí đạt: 01

-Tổng số tiêu chí không đạt: 05

Mức 3:

-Tổng số tiêu chí: 06

-Tổng số tiêu chí đạt: 00

-Tổng số tiêu chí không đạt: 06

**Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

**Mở đầu**:

Trong những năm qua, nhà trường đã thực hiện tốt công tác phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục của nhà trường, hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất và giúp đỡ những học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Nhà trường cũng đã phối hợp với các tổ chức đoàn thể địa phương trong việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh.

**Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh**

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Mỗi năm học, căn cứ Điều lệ, quyền hạn, trách nhiệm của Ban đại diện cha mẹ học sinh, nhà trường đã tham mưu cho cha mẹ học sinh các lớp tổ chức hội nghị đầu năm học để thành lập Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp, của trường [H4-4.1-01].

Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động có kế hoạch chi tiết, có phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên và hoạt động đúng Điều lệ quy định [H4-4.1-01].

Mỗi năm, mỗi lớp có 03 lần họp định kỳ với cha mẹ học sinh, ban đại diện Cha mẹ học sinh: Kỳ họp lần 01: Bầu ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp, kỳ họp lần 02: Thông báo kết quả học tập, rèn luyện của học sinh trong học kì I, kỳ họp lần lần 03: Thông báo kết quả học tập, rèn luyện của học sinh trong học kì II và cả năm. Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức họp đột xuất với Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp nếu có vấn đề bất thường xảy ra. Các kế hoạch được Ban đại diện cha mẹ học sinh triển khai thực hiện đúng tiến độ, định kỳ thực hiện sơ kết, tổng kết. [H1-1.2-06]; [H4-4.1-01].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường xác định rõ vai trò quan trọng của mình trong tất cả các hoạt động, phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp. Phối hợp với nhà trường, xã hội thống nhất nội dung, quan điểm, phương pháp giáo dục giữa gia đình, nhà trường, và xã hội cùng thực hiện tốt mục tiêu giáo dục; huy động nguồn lực góp phần xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục của nhà trường, xây dựng phong trào học tập và môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, ngăn chặn những hoạt động có ảnh hưởng xấu đến học sinh; tạo điều kiện để học sinh được vui chơi, hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao lành mạnh phù hợp với lứa tuổi [H4-4.1-01].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp hiệu quả với nhà trường trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định, góp phần giúp nhà trường hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của năm học thông qua những hoạt động hỗ trợ khen thưởng học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn [H4-4.1-01].

**2. Điểm mạnh**

Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, lớp được thành lập hằng năm đúng theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh; có kế hoạch hoạt động theo năm học; tổ chức thực hiện hoạt động đúng tiến độ và rất hiệu quả.

Phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Không có.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục tạo điều kiện cho Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, lớp thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, quyền và trách nhiệm theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh nhằm phát huy thành quả đạt được.

Tiếp tục duy trì và phát huy mối quan hệ tốt giữa nhà trường với Ban đại diện cha mẹ học sinh để nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục của đơn vị.

**5. Tự đánh giá:**Đạt mức 3.

**Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường**

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trên cơ sở định hướng phát triển nhà trường, Hiệu trưởng tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch, các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường thông qua việc xây dựng các chiến lược, kế hoạch năm học phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương [H1-1.1-02]; [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]; [H1-1.3-01].

Thông qua các đoàn thể trong nhà trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh, các phương tiện truyền thông (bảng tin, website của trường) nhà trường phổ biến công khai các mục tiêu, kế hoạch giáo dục, các hoạt động giáo dục của nhà trường; phổ biến các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước [H4-4.1-01]; [H4-4.2-01].

Với nguồn lực đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân, sự ủng hộ, đóng góp của Ban đại diện cha mẹ học sinh và các mạnh thường quân; nhà trường đã sử dụng vào các hoạt động như: trao tặng học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, tặng quà Tết, khen thưởng học sinh, hỗ trợ các hoạt động phong trào [H4-4.1-01].

Mức 2:

Thông qua các nghị quyết của Chi bộ, nhà trường tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền trong việc hỗ trợ nhà trường thực hiện các chiến lược, kế hoạch để phát triển nhà trường [H1-1.3-01].

Trong năm học 2018-2019 nhà trường thực hiện các tiết kỹ năng sống, các chuyên đề giáo dục cho học sinh [H4-4.2-02]. Nhà trường chưa thực hiện được việc tổ chức chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương [H1-1.3-04].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương về kế hoạch hoạt động nhà trường. Đồng thời, trường cũng phối hợp tốt với các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường để huy động các nguồn lực xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh.

Phối hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân trong và ngoài nhà trường để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, phát triển năng khiếu nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh.

**3. Điểm yếu**

Chưa tổ chức cho học sinh chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương do thay đổi thường xuyên nhân sự Tổng phụ trách.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021-2022, nhà trường tiếp tục tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương huy động tiềm lực từ các tổ chức xã hội, đoàn thể, cá nhân tham gia đóng góp vào các hoạt động giáo dục của nhà trường, nhằm hoàn thiện hơn môi trường giáo dục.

Chi đoàn, Liên đội nhà trường phối hợp với Đoàn xã tổ chức cho học sinh chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 1.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 4:**

\* Điểm mạnh:

Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, có kế hoạch hoạt động theo năm và tổ chức thực hiện kế hoạch đúng tiến độ, hiệu quả.

Nhà trường phối hợp tốt với Ban đại diện cha mẹ học sinh, các đơn vị, cá nhân trong và ngoài trường, các tổ chức đoàn thể của địa phương để huy động tối đa mọi nguồn lực nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

\* Điểm yếu:

Chưa tổ chức cho học sinh chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

\* Số lượng các tiêu chí đạt mức 1: 02/02.

\* Số lượng các tiêu chí đạt mức 2: 01/02.

\* Số lượng các tiêu chí đạt mức 3: 01/02.

Mức 1:

-Tổng số tiêu chí: 02

-Tổng số tiêu chí đạt: 02

-Tổng số tiêu chí không đạt: 00

Mức 2:

-Tổng số tiêu chí: 02

-Tổng số tiêu chí đạt: 01

-Tổng số tiêu chí không đạt: 01

Mức 3:

-Tổng số tiêu chí: 02

-Tổng số tiêu chí đạt: 01

-Tổng số tiêu chí không đạt: 01

**Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục**

**Mở đầu**:

Trong nhiều năm qua, nhà trường đặc biệt chú trọng đến việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh, góp phần đào tạo những công dân tương lai có đủ đức, đủ tài. Thực hiện đúng chương trình kế hoạch giáo dục quy định, không ngừng đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Kết quả về học lực và hạnh kiểm của học sinh toàn trường ổn định. Kết quả giáo dục thể chất, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp vàgiáo dục kỹ năng sống cũng được nhà trường chú trọng thực hiện và đạt được nhiều thành tích đáng kể.

**Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông**

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, năng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường tổ chức dạy học đúng đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo khung phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Giáo viên giảng dạy theo chuẩn kiến thức kỹ năng và chương trình giảm tải; thiết kế, tổ chức giảng dạy và các hoạt động giáo dục đảm bảo bám sát mục tiêu giáo dục theo quy định, nhằm giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]; [H1-1.4-05].

Giáo viên đã thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp dạy học; chú trọng liên hệ thực tiễn và dạy học tích hợp, 100% giáo viên có sử dụng các thiết bị, đồ dùng dạy học trong giảng dạy, sử dụng tốt các phương pháp dạy học tích cực và kỹ thuật dạy học phù hợp với các đối tượng học sinh, … đã tạo ra hứng thú, động lực học tập cho học sinh thông qua các môn học, cũng từ đây giúp các em tự tin, đề xuất những sáng kiến và ý tưởng hay cho bài. Trong mỗi tiết dạy, tùy theo đặc thù của từng môn, giáo viên đã thực hiện tốt việc soạn giảng, cân đối giữa truyền thụ kiến thức với rèn luyện kỹ năng tư duy cho học sinh [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]; [H1-1.4-06]; [H1-1.8-01].

Các tổ bộ môn hằng năm vẫn thực hiện chỉ đạo theo kế hoạch năm học của nhà trường tiếp tục đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh đảm bảo trung thực, khách quan, hiệu quả. Chú trọng đánh giá theo quá trình dạy học và đánh giá tổng kết cuối kỳ, cuối năm học, đánh giá đều hướng tới phát triển năng lực của học sinh. Nhà trường chỉ đạo các tổ, nhóm chuyên môn kiểm soát và nâng cao chất lượng các đề kiểm tra, tăng số lượng câu hỏi thực tiễn trong các bài kiểm tra định kỳ, các nội dung có liên quan đến các tình huống thực tiễn cần chọn lựa nội dung phù hợp, có tính giáo dục và hợp thực tế cuộc sống; xây dựng đề kiểm tra thường xuyên, định kỳ, kiểm tra cuối học kỳ theo ma trận và đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập theo 4 mức độ: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp, vận dụng cao. Kiểm tra, đánh giá được tổ chức dưới nhiều hình thức như kiểm tra miệng, kiểm tra viết, dự án học tập, bài tập thực hành, thí nghiệm; qua các hoạt động trên lớp; hoạt động nhóm, … [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]; [H1-1.4-05].

Mức 2:

Chương trình, kế hoạch giáo dục từng bộ môn bám sát chuẩn kiến, thức kỹ năng, cập nhật những thông tin mới phù hợp, Từ đó điều chỉnh nội dung bài dạy, kế hoạch giảng dạy đảm bảo khung phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]; [H1-1.4-05].

Đầu năm học, Hiệu trưởng lập kế hoạch, hướng dẫn từng tổ chuyên môn, giáo viên bộ môn xây dựng kế hoạch dạy hai buổi, bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém với những giải pháp và chỉ tiêu cụ thể. Việc phụ đạo học sinh yếu, kém được tiến hành sau khi kiểm tra giữa học kỳ; bồi dưỡng học sinh giỏi bắt đầu tháng 01 hằng năm [ H1-1.1-05]; [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02].

Mức 3:

Hiệu trưởng nhà trường, Hội đồng trường, các tổ bộ môn rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh thông qua kết quả hoạt động giáo dục, kết quả kiểm tra nội bộ, qua kết quả kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ, kết quả báo điểm từng tháng, kết quả đào tạo năm học, kết quả thi học sinh giỏi, … [ H1-1.8-01]; [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06].

**2. Điểm mạnh**

Giáo viên đã thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp dạy học; chú trọng liên hệ thực tiễn và dạy học tích hợp, 100% giáo viên có sử dụng các thiết bị, đồ dùng dạy học trong giảng dạy, sử dụng tốt các phương pháp dạy học tích cực và kỹ thuật dạy học phù hợp với các đối tượng học sinh, … đã tạo ra hứng thú, động lực học tập cho học sinh.

Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

**3. Điểm yếu**

Vẫn có một vài giáo viên chưa chủ động tích cực đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021-2022, nhà trường tiếp tục xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục theo hướng phát triển năng lực học sinh trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng trong chương trình giáo dục phổ thông, tổ chức dạy và học phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và đối tượng học sinh nhằm nâng cao chất lượng dạy và học, xây dựng thái độ, ý thức tự giác và tính tích cực học tập, rèn luyện của học sinh.

Tiếp tục thực hiện sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học; thiết kế các chủ đề dạy học, dạy học tích hợp nhằm giúp học sinh vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tiễn, tăng cường phương pháp dạy học theo định hướng giáo dục STEM.

Tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

Tăng cường các giải pháp để tiếp tục giảm tỷ lệ học sinh yếu kém, tăng tỷ lệ học sinh khá giỏi.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 1.

**Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện**

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường chỉ đạo hướng dẫn các tổ, nhóm chuyên môn lập kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. [H1-1.4-05]; [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02];

Đối với những học sinh có năng khiếu, các tổ nhóm chuyên môn phân công thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng. Phụ đạo học sinh yếu, kém, gặp khó khăn trong học tập. Đồng thời, nhà trường phối hợp với Ban Đại diện cha mẹ học sinh hỗ trợ, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, thực hiện đúng chế độ chính sách theo quy định [H1-1.4-05]; [H4-4.1-01]; [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02].

Hằng năm, nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện theo tháng, theo học kỳ. Dựa vào kết quả học tập và rèn luyện, các tổ nhóm chuyên môn rút kinh nghiệm, đề ra giải pháp để thực hiện có hiệu quả hơn công tác giáo dục của nhà trường. [H1-1.4-05], [H1-1.4-06]; [H1-1.8-01].

Mức 2:

Kết quả của học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, có chuyển biến tích cực đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục của nhà trường. Học sinh có năng khiếu được bồi dưỡng, phát huy và đạt được nhiều thành tích [H1-1.2-05]; [H1-1.4-06].

Mức 3:

Nhà trường chưa có học sinh đạt thành tích cấp huyện, cấp Thành phố, cấp Quốc gia, cấp Khu vực về các môn học, thể dục thể thao, được cấp có thẩm quyền ghi nhận [H5-5.2-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường phối hợp tốt với Ban Đại diện cha mẹ học sinh thực hiện chăm lo cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Thực hiện tốt, hiệu quả kế hoạch giáo dục, phát triển học sinh có năng khiếu.

Nhà trường có nhiều học sinh đạt thành tích.

1. **Điểm yếu**

Nhà trường chưa có học sinh đạt thành tích cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, duy trì các giải pháp đã sử dụng hiệu quả để tiếp tục bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Tăng cường giáo dục ý thức, tự giác học tập, khơi gợi sự đam mê học tập, lĩnh hội kiến thức của học sinh thông qua các hoạt động giáo dục của nhà trường, tăng cường giáo dục cá thể.

**5. Tự đánh giá:**Đạt mức 1.

**Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định**

Mức 1:

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương theo quy định tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục địa phương ở cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông từ năm học 2008 - 2009 và các văn bản hiện hành khác. Thực hiện mục tiêu môn học, gắn lý luận với thực tiễn thể hiện qua nội dung giảng dạy của các bộ môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân. Bên cạnh đó, Đoàn - Đội cũng lồng ghép nội dung giáo dục địa phương vào các buổi sinh hoạt ngoại khóa như tổ chức cho học sinh đi tham quan các di tích lịch sử: Khu di tích lịch sữ Ngã Ba Giòng – Khu sinh thái Bình Dương, ... [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

Nhà trường chỉ đạo giáo viên các bộ môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân, ... đưa nội dung giáo dục địa phương vào nội dung các bài kiểm tra đảm bảo khách quan, hiệu quả [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

Các bộ môn đã tích cực đầu tư soạn và lồng ghép nội dung giáo dục địa phương vào giáo án. Trong năm, các tổ, nhóm chuyên môn thực hiện rà soát và cập nhật tài liệu về giáo dục địa phương trong nội dung giảng dạy phù hợp với thực tế đảm bảo mục tiêu môn học. Phó hiệu trưởng cùng với các tổ trưởng chuyên môn kiểm tra, đánh giá vào cuối mỗi năm học [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03]; [H1-1.4-06].

Mức 2:

Các nội dung giáo dục địa phương được thực hiện theo quy định tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được bổ sung phù hợp với thực tế, mục tiêu của môn học [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03]; [H1-1.4-05].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện đầy đủ các nội dung giáo dục địa phương theo kế hoạch, tổ chức được các hình thức lồng ghép giáo dục địa phương với các hoạt động học tập trải nghiệm, ngoại khoá.

**3. Điểm yếu**

Nội dung giáo dục địa phương trong các bài kiểm tra chưa phong phú.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2021-2022, hiệu trưởng chỉ đạo, phân công giáo viên biên soạn tài liệu giảng dạy mới chi tiết phù hợp với chương trình giáo dục địa phương và với tình hình thực tế ở địa phương, cập nhật thêm tài liệu về giáo dục địa phương thông qua nguồn sách báo, tạp chí, mạng Internet, … Chỉ đạo cán bộ phụ trách thư viện và hướng dẫn cho học sinh sưu tầm, tìm hiểu các tư liệu, tranh ảnh, bản đồ về địa phương để làm phong phú hơn kiến thức về địa phương nâng cao hiệu quả học tập.

Tổ chức cho giáo viên và học sinh tham quan thực tế ở địa phương tìm hiểu thêm các di tích lịch sử của địa phương từng bước đưa chương trình giáo dục địa phương phù hợp với kế hoạch của từng bộ môn ngay từ đầu năm học.

**5. Tự đánh giá:**Đạt mức 1.

**Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp**

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Ngay từ đầu năm học, trong kế hoạch năm học, kế hoạch giáo dục của nhà trường đã có định hướng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định, phù hợp với điều kiện của nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]; [H1-1.4-05].

Trên cơ sở được sự phân công của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng; các bộ phận tổ chuyên môn, Chi đoàn, Liên đội, Ban chỉ đạo Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp phối hợp xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch ngay từ đầu năm học [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]; [H1-1.4-05]; [H1-1.10-07]; [H5-5.4-01]..

Trong các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhà trường đều có phân công giáo viên, nhân viên có chuyên môn, năng lực phù hợp để tham gia nhằm đạt được các mục tiêu, yêu cầu đề ra trong mỗi kế hoạch [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]; [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06]; [H1-1.10-07]; [H5-5.4-01].

Mức 2:

Mỗi năm, nhà trường đã tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phù hợp như,... Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp được học sinh tham gia hào hứng, vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tế, cũng cố kiến thức được học và tiếp thu thêm nhiều kiến thức mới nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]; [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06]; [H1-1.10-07]; [H5-5.4-01]

Nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá việc tổ chức thực hiện kế hoạch trải nghiệm và hướng nghiệp sau mỗi hoạt động và cuối học kỳ. Từ đó định hướng, điều chỉnh các hoạt động hiệu quả hơn.

**2. Điểm mạnh**

Có kế hoạch tổ chức thực hiện các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp theo quy định, phù hợp với điều kiện của nhà trường và có hiệu quả giáo dục.

**3. Điểm yếu**

Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp chỉ phối hợp ở vài bộ môn do đặc thù nội dung môn học.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2021-2022, hiệu trưởng quán triệt việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp đến tất cả các tổ bộ môn và yêu cầu các bộ phận, các tổ bộ môn trong nhà trường phối hợp lập kế hoạch thực hiện; yêu cầu với các công ty hợp đồng tổ chức hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp xây dựng nhiều hình thức hoạt động phong phú hơn nhằm nâng cao hiệu quả việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp cho học sinh.

**5. Tự đánh giá:**Đạt mức 1.

**Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh**

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và tuyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trong kế hoạch năm học, kế hoạch giáo dục nhà trường đều có định hướng giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh; trên cơ sở đó tất cả các bộ môn khi xây dựng kế hoạch dạy học, thực hiện tích hợp giáo dục kỹ năng sống có nội dung phù hợp vào bài dạy [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]; [H1-1.4-06].

Kế hoạch giáo dục kỹ năng sống được lồng ghép trong kế hoạch bộ môn, kế hoạch hoạt động ngoài giờ lên lớp; kế hoạch giáo dục sức khỏe, truyền thông của bộ phận y tế; kế hoạch hoạt động giáo dục truyền thống của Đoàn, Đội; …

Các bộ phận phối hợp với các tổ bộ môn cùng thực hiện giáo dục kỹ năng sống theo từng chủ đề: Bộ phận y tế có kế hoạch giáo dục sức khỏe cho học sinh, giúp các em phòng chống bệnh cận thị học đường, bệnh tay chân miệng, các loại dịch bệnh, bệnh truyền nhiễm... Thư viện cũng tổ chức những buổi sinh hoạt ngoại khóa như giao lưu với các chuyên gia tâm lý với các chủ đề như: “Sống có ích” ... triển lãm sách giáo dục đạo đức, pháp luật; ... nhằm giáo dục đạo đức cho học sinh; Chi đoàn, Liên đội, Công đoàn phối hợp với các tổ bộ môn tổ chức các buổi báo cáo chuyên đề giáo dục truyền thống, tư tưởng đạo đức lồng ghép giáo dục kỹ năng sống, tổ chức các lễ hội, giao lưu thầy trò nhân các ngày lễ lớn: Ngày 02 tháng 9, ngày 23 tháng 9, ngày 20 tháng 10, ngày 20 tháng 11, ngày 22 tháng 12, ngày 09 tháng 1, ngày 3 tháng 02, ngày 27 tháng 02, ngày 08 tháng 3, ngày 26 tháng 3, ngày 30 tháng 4, ngày 01 tháng 5, ngày 15 tháng 5, ngày 19 tháng 5, ngày 27 tháng 7, ngày 10 tháng 3 Âm lịch, ngày tưởng niệm những người tử nạn do tai nạn giao thông, nhằm giáo dục tình yêu quê hương, đất nước, tinh thần đoàn kết, rèn luyện ý chí kiên cường, vươn lên trong cuộc sống; biết yêu thương ông bà, cha mẹ, kính trọng thầy cô giáo, yêu thương, đoàn kết, giúp đỡ bạn bè; giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh thông qua các bải giảng trên lớp, các buổi chuyên đề dưới sân cờ của các tổ bộ môn Sử - Ngữ văn, bộ môn Sinh học, bộ môn Thể dục, giáo dục ý thức chấp hành luật giao thông; cách tự phòng, chống tai nạn giao thông, đuối nước và các tai nạn thương tích khác; thực hiện các quy định về cách ứng xử có văn hóa, đoàn kết, thân ái, giúp đỡ lẫn nhau. Giáo dục và tư vấn về sức khoẻ thể chất và tinh thần, giáo dục về giới tính, tình yêu, hôn nhân, gia đình phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh; vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống qua các hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu khoa học trong hoạt động dạy học các môn học [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]; [H1-1.8-01]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Thông qua các hoạt động giáo dục nêu trên, học sinh được rèn luyện, tích lũy và hình thành kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, biết thực hành pháp luật; học sinh tích cực tham gia các hoạt động như dự thi trực tuyến “Giao thông thông minh”, “Học sinh, sinh viên thành phố với pháp luật”, “Hội thi Sơ cấp cứu”, thi “Hùng biện Tiếng Anh”, thi "Lớn lên cùng sách", thi "Sân khấu hóa tác phẩm văn học", thi "Khéo tay kỹ thuật", "Nét vẽ xanh", thi vẽ tranh phòng chống HIV-AIDS, thi viết bài về bảo vệ môi trường, chống rác thải nhựa,... [H1-1.3-04]; [H1-1.4-05]

Đạo đức, lối sống của học sinh trong nhà trường từng bước được hình thành, biết cách ứng xử có văn hóa trong học tập, trong sinh hoạt, trong giao tiếp, hiểu biết về phòng chống bạo lực học đường, thực hiện đúng pháp luật khi tham gia giao thông, … những nền tảng đạo đức, lối sống đó phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán và truyền thống văn hoá dân tộc [H1-1.4-06]; [H1-1.2-05].

Mức 2:

Thông qua các hoạt động giáo viên hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của bản thân, nhận xét đánh giá các học sinh trong cùng nhóm và khác nhóm [H1-1.2-05]; [H1-1.8-01].

Học sinh từng bước đã biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn, biết giải quyết những tình huống trong quá trình học tập và sinh hoạt hằng ngày, qua các bài kiểm tra, … [H1-1.4-06]; [H1-1.8-01].

Mức 3:

Trong các năm học gần đây, học sinh đã bước đầu có khả năng thực hiện nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của giáo viên, đã mạnh dạn tham gia các cuộc thi Nghiên cứu khoa học do Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình và Sở Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức [H5-5.5-01].

**2. Điểm mạnh**

Công tác giáo dục kỹ năng sống luôn được quan tâm, chú trọng và được sự hỗ trợ tích cực từ giáo viên, các tổ chức đoàn thể, chính quyền.

Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương.

Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

**3. Điểm yếu**

Vẫn còn trường hợp học sinh chưa có ý thức rèn luyện bản thân.

Chưa xây dựng được kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cụ thể, chưa có lộ trình trang bị các kỹ năng cần thiết cho từng đối tượng ở các khối lớp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2021-2022, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tổ chức các tiết kỹ năng sống cho học sinh, tăng cường thực hiện các chuyên đề. Hiệu trưởng chỉ đạo tất cả các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch và phân công giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện các đề tài nghiên cứu, trên cơ sở đó lựa chọn các đề tài hay, thiết thực để đầu tư tham gia các cuộc thi cấp huyện và thành phố.

**5. Tự đánh giá:**Đạt mức 1.

**Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục**

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Kết quả học tập, hạnh kiểm của trường trong 05 năm gần đây đạt yêu cầu theo kế hoạch đề ra [H1-1.8-01]; [H5-5.6-01]; [H1-1.2-06].

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Tỉ lệ học sinh xếp loại giỏi | Tỉ lệ học sinh xếp loại Khá | Tỉ lệ học sinh xếp loại yếu, kém | Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt | Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá | Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình |
| 2019-2020 | 30.5% | 35.5% | 7,8% | 80.2% | 18.1% | 0.74% |
| 2020-2021 | 49,4 | 34,8 | 0,9 | 91,2 | 7,4 | 14,9 |
| 2021-2022 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2022-2023 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2023-2024 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Tỷ lệ lên lớp thẳng** | **Tỷ lệ tốt nghiệp** | **Ghi chú** |
| 2019 - 2020 | 91.2% | 0% |  |
| 2020- 2021 | 99,1% | 0 |  |
| 2021 - 2022 | 0 | 0 |  |
| 2022 - 2023 | 0 | 0 |  |
| 2023 - 2024 | 0 | 0 |  |

Tỷ lệ học sinh lên lớp của trường đạt yêu cầu theo kế hoạch [H1-1.2-06]; [H1-1.8-01]; [H5-5.6-01]

Bảng số liệu kết quả lên lớp

Mức 2:

Trong 05 năm tiếp theo tính đến thời điểm tự đánh giá, kết quả học lực của học sinh xếp loại giỏi, khá có chiều hướng phát triển [H1-1.8-01]; [H1-1.2-05].

Tỷ lệ học sinh lên lớp cũng có những chuyển biến tích cực và duy trì ổn định trong 05 năm tới tính đến thời điểm tự đánh giá [H1-1.2-05]; [H1-1.2-06]; [H1-1.8-01]

Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường trên 30,5%, cao hơn so với chuẩn quy định [H1-1.8-01]; [H1-1.2-05].

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường đạt trên 35,5%, cao hơn so với chuẩn quy định [H1-1.8-01]; [H1-1.2-05].

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của dưới 7%, đạt tỷ lệ so với chuẩn quy định [H1-1.8-01]; [H1-1.2-05]; [H5-5.6-01].

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt trên 98,26%, cao hơn so với chuẩn quy định [H1-1.8-01]; [H1-1.2-05].

Tỷ lệ học sinh bỏ học 0,87% không quá 01% và lưu ban hàng năm không quá 02% đạt tỷ lệ so với chuẩn quy định [H1-1.8-01]; [H1-1.2-05].

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số học sinh cuối năm | Lưu ban | Bỏ học |
| 2019 - 2020 | 459 | 0 | 4 (0.87%) |
| 2020- 2021 | 1139 | 1 | 7 |
| 2021 - 2022 | 1759 | 0 | 10 |
| 2022 - 2023 | 0 | 0 | 0 |
| 2023 - 2024 | 0 | 0 | 0 |

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt công tác giảng dạy và nâng cao chất lượng giáo dục, tỷ lệ học sinh có kết quả học lực, hạnh kiểm tốt đều đạt và vượt chuẩn quy định.

**3. Điểm yếu**

Học sinh bỏ học có chiều hướng gia tăng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh; tăng cường giáo dục cá thể, giảng dạy theo chuẩn kiến thức kỹ năng phù hợp với từng đối tượng học sinh.

Tăng cường, đẩy mạnh đổi mới sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn, sinh hoạt tổ nhóm theo hướng nghiên cứu bài học, tập trung vào việc trao đổi kinh nghiệm giảng dạy và hướng tháo gỡ những khó khăn vướng mắc.

Nhà trường tiếp tục tăng cường công tác bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu, kém nhằm nâng cao chất lượng mũi nhọn và giảm tỷ lệ học sinh yếu kém. Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với gia đình học sinh quản lý việc học của các em tại nhà có hiệu quả.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh.

Phát huy hiệu quả 3 lực lượng giáo dục trong việc ngăn chặn học sinh bỏ học.

**5. Tự đánh giá:**Đạt mức 1.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 5:**

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục. Giáo viên vận dụng các phương pháp dạy học mới, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với đối tượng học sinh và bồi dưỡng cho học sinh phương pháp tự học, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh thông qua các các môn học trên lớp, các hoạt động ngoại khóa và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo kế hoạch của nhà trường.

Điểm yếu cơ bản:

Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức chưa được phong phú.

\* Số lượng các tiêu chí đạt mức 1: 06/06.

\* Số lượng các tiêu chí đạt mức 2: 00/06.

\* Số lượng các tiêu chí đạt mức 3: 00/04.

Mức 1:

- Tổng số tiêu chí: 06

- Tổng số tiêu chí đạt: 06

- Tổng số tiêu chí không đạt: 0

Mức 2:

- Tổng số tiêu chí: 06

- Tổng số tiêu chí đạt: 00

- Tổng số tiêu chí không đạt: 06

Mức 3:

-Tổng số tiêu chí: 04

-Tổng số tiêu chí đạt: 00

-Tổng số tiêu chí không đạt: 04

# **Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

Báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục là một công trình khoa học, thể hiện sự đoàn kết, nhất trí, vượt khó của Hội đồng sư phạm nhà trường để hoàn thành nhiệm vụ. Báo cáo tự đánh giá thể hiện trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên với sự nghiệp giáo dục huyện. Qua quá trình tự đánh giá giúp các cấp quản lý giáo dục, cán bộ, giáo viên, cha mẹ học sinh thấy được kết quả cụ thể của nhà trường trong công tác quản lý, giáo dục học sinh. Đồng thời, không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục, khẳng định vị thế và uy tín, từng bước đưa nhà trường phát triển, đáp ứng sự trông đợi của cha mẹ học sinh và sự tín nhiệm của xã hội.

Đối chiếu với 5 tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; công văn số 5932/BGDĐT- CLQL ngày 28/12/2018 về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông, trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Bứa tự đánh giá kết quả hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 như sau:

- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1 là: 24 tiêu chí, tỷ lệ 85,7%;

- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 1 là: 02 tiêu chí, tỷ lệ 14,3%;

- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2 là: 01 tiêu chí, tỷ lệ 3.6%;

- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 2 là: 27 tiêu chí, tỷ lệ 96,4%;

- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 3 là: 00 tiêu chí, tỷ lệ 0%;

- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 3 là: 20 tiêu chí, tỷ lệ 100%;

Căn cứ vào số lượng tiêu chí mà nhà trường đã đạt được ở các Mức 1, Mức 2, Mức 3; Căn cứ Điều 6 Chương I quy định về các mức đánh giá trường trung học và chương II quy định về tiêu chuẩn đánh giá trường trung học của Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018 của Bộ Giáo dục và Đào, trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Bứa tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục chưa đánh giá.

Trên cơ sở báo cáo tự đánh giá này, trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Bứa sẽ phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu, tiếp tục tăng cường công tác quản lý, đổi mới hoạt động dạy học, thực hiện có hiệu quả các hoạt động giáo dục, hướng đến mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục của trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Bứa về công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường phổ thông. Nhà trường kính mong các cơ quan chủ quản, cấp ủy chính quyền địa phương, các thành viên trong Hội đồng đánh giá ngoài đóng góp ý kiến để công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng hoàn thiện hơn.

Cơ sở giáo dục đề nghị đạt Kiểm định chất lượng giáo dục: Chưa đánh giá

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Hóc Môn, ngày 13 tháng 5 năm 2022* **HIỆU TRƯỞNG**  **NGUYỄN VĂN RỘN** |